



ETS 1000_RC TEST 2

PART 5

101. Ms. Carpenter will be attending the conference with ----- marketing team.

- (A) she
- (B) her**
- (C) hers
- (D) herself

Tạm dịch:

101. Cô Carpenter sẽ tham dự hội nghị với đội ngũ tiếp thị của cô ấy.

Phân tích:

Câu A- “she”-cô ấy là chủ ngữ, phải đứng trước động từ.

Câu C-“hers” –đại từ sở hữu vừa có thể đứng ở vị trí chủ ngữ, vừa có thể là tân ngữ trong câu. Ví dụ: My car is white. Hers is black. (hers= her cars). Tuy nhiên, không có danh từ phía trước bổ nghĩa cho her.

Câu D-”herself”-chính cô ấy, đứng 1 mình hoặc đi với giới từ by
Đáp án đúng là câu B- her (cô ấy) đi cùng với cụm danh từ phía sau.

102. ----- the last ten years, Bay City's population has grown by about 27 percent.

- (A) As
- (B) Against
- (C) During**
- (D) Below

Tạm dịch:

102. Suốt mười năm qua, dân số ở Bay City đã tăng khoảng 27 phần trăm.

Phân tích: Câu C-during (suốt) chỉ quãng thời gian là đáp án đúng. Câu A-As (bởi vì), câu B- against (chống lại) và câu D-below (bên dưới) không hợp nghĩa.

103. Please congratulate Alan Schmit, ----- of the Leadership Award in Nursing at Knoll Hospital.

- (A) won
- (B) wins
- (C) winning
- (D) winner**

Tạm dịch:

103. Xin chúc mừng Alan Schmit, **người chiến thắng** của Giải thưởng Lãnh đạo Điều dưỡng tại Bệnh viện Knoll.

Phân tích: Câu D là đáp án đúng vì winner là danh từ giải thích và bổ nghĩa cho tên riêng phía trước.

104. Ireland's largest software producer will ----- be opening a large facility in Cork.

- (A) soon**
- (B) such
- (C) ever

Phân tích: câu B- such a/an+adj+N, câu C- ever (thường gặp trong thì hiện tại hoàn thành – nghĩa là bao giờ và D-like (đứng sai vị trí), vậy A là đáp án phù hợp nhất.



(D) like

Tạm dịch:

104. Nhà sản xuất phần mềm lớn nhất của Ireland sẽ **sớm** mở một cơ sở lớn ở Cork.

105. Ashburn Bank's online service has been in high demand -----

(A) lateness

(B) later

(C) **lately**

(D) latest

Tạm dịch:

105. Dịch vụ trực tuyến của Ashburn Bank đang đáp ứng cầu cao **gần đây**.

Phân tích: câu A-lateness (N) (sự trễ), câu B-later (sau), câu D-latest (trễ nhất), câu C-lately (gần đây) phù hợp, hơn nữa câu đã đủ thành phần cơ bản (S+V), chỉ thiếu mỗi trạng từ đặt cuối câu.

106. The ----- of videos to electronic press releases can help companies showcase their products.

(A) content

(B) **addition**

(C) pictures

(D) promotion

Tạm dịch:

106. Việc **bổ sung** các video phát hành báo chí điện tử có thể giúp các công ty giới thiệu sản phẩm của họ.

Phân tích: Câu A-content (nội dung), câu C-pictures (hình ảnh), câu D-promotion (sự quảng cáo), đáp án phù hợp nhất là câu D-addition (việc bổ sung).

107. Ms. Hyun is reviewing the training manual to see if updates -----.

(A) have need

(B) needing

(C) **are needed**

(D) to be needed

Tạm dịch:

107. Cô Hyun đang xem lại hướng dẫn đào tạo để xem rằng việc cập nhật **có cần thiết** hay không.

Phân tích: Vì updates (việc cập nhật) không tự thực hiện được nên ta phải dùng bị động (are needed) trong trường hợp này. Câu C là đáp án đúng.

108. When leaving the auditorium, please exit ----- the doors on the lower level.

(A) except

(B) inside

(C) without

(D) **through**

Tạm dịch:

Phân tích:

Câu A-except (loại trừ) không hợp nghĩa, câu B-inside (bên trong), câu C-without (không có) cũng bị loại, đáp án đúng và hợp lý về nghĩa là câu D



108. Khi rời khỏi khán phòng, xin vui lòng thoát **thông qua** các cửa ở tầng thấp hơn.

109. The judges for this year's screenplay competition include ----- from Hanoi Studios.

(A) represents

(B) representatives

(C) represented

(D) represent

Tạm dịch:

109. Ban giám khảo của cuộc thi kịch bản năm nay bao gồm **những người đại diện** đến từ Hanoi Studios.

Phân tích: Vị trí cần điền là một danh từ để phù hợp với danh từ 'judges' trước đó, vậy câu A, C, D đều bị loại vì sau include (động từ) không thể đứng cạnh một động từ khác.

110. I have attached my resume detailing my --- --- experience in the hotel industry.

(A) extensive

(B) punctual

(C) prospective

(D) accepted

Tạm dịch:

110. Tôi đã đính kèm sơ yếu lý lịch của tôi cái mà rất chi tiết về kinh nghiệm **sâu rộng** của tôi trong ngành khách sạn.

Phân tích: Theo nghĩa, câu A-extensive (sâu rộng), câu B-punctual (đúng giờ), câu C-prospective (có triển vọng), câu D-accepted (được chấp nhận), do đó câu A là đáp án đúng.

111. Remember to check the spelling of Mr. Kamashi's name when ----- the document.

(A) revising

(B) revises

(C) revised

(D) revise

Tạm dịch:

111. Nhớ kiểm tra chính tả tên của ông Kamashi Hiện khi **xem lại** tài liệu.

Phân tích: Sau when ta cần một mệnh đề S+V hoặc V-ing, như vậy câu A là đáp án đúng (sửa đổi, xem lại)

112. Residents visited City Hall to ask ----- developers will preserve the historic properties.

(A) although

(B) since

(C) whether

(D) both

Tạm dịch:

Phân tích: câu C-To ask whether S+V (để hỏi có hay không) là đáp án đúng, câu D-both đi cùng với and, câu A và B sai.



112. Cư dân đã đến Tòa thị chính để hỏi các nhà phát triển **có** bảo tồn các tài sản lịch sử **hay không**.

113. The Ford Group's proposed advertising campaign is by far the most ----- we have seen so far.

- (A) innovate
- (B) innovative**
- (C) innovations
- (D) innovatively

Tạm dịch:

113. Chiến dịch quảng cáo được đề xuất của Ford Group cho đến nay thì **đổi mới nhất** mà chúng tôi từng thấy.

Phân tích: câu B-innovative (đổi mới) là đáp án đúng vì the most + adj, câu A (động từ), câu C (danh từ) và câu D (trạng từ) thì hoàn toàn sai.

114. Solei Landscaping announced that the design for the Cherry Hill building complex is - ----- complete.

- (A) almost**
- (B) nearby
- (C) anytime
- (D) yet

Tạm dịch:

114. Công ty Solei Landilaping thông báo rằng việc thiết kế cho khu phức hợp Cherry Hill thì **gần như** hoàn tất.

Phân tích: câu B-nearby (gần đây-dùng chỉ nơi chốn), câu C-anytime (bất kỳ thời điểm nào), câu D-yet (chưa) dùng trong câu phủ định. Như vậy đáp án đúng là A.

115. Daniel Nishida, the chief supply officer, asked that ----- be given full responsibility for approving all invoices.

- (A) he**
- (B) him
- (C) his
- (D) himself

Tạm dịch:

115. Daniel Nishida, giám đốc chuỗi cung ứng, yêu cầu rằng anh ấy phải được giao toàn bộ trách nhiệm phê duyệt tất cả các hóa đơn.

Phân tích: câu A là đáp án đúng vì ta cần một chủ ngữ đứng trước động từ be given nên loại câu B-him (đứng sau động từ), C-his (đứng trước danh từ) và D (đi một mình hoặc đi cùng với by).

116. In preparation for Mr. Kumar's retirement at the end of March, the Carolex Corporation will need to ----- a new facilities director.

- (A) resume

Phân tích: câu A-resume (hồi phục, bắt đầu lại), câu B-compete (tranh đấu), câu D-conduct (tiến hành) là các đáp án sai vì



- (B) compete
(C) **recruit**
(D) conduct

Tạm dịch:

116. Để chuẩn bị cho việc nghỉ hưu của ông Kumar vào cuối tháng 3, Tập đoàn Carolex sẽ cần tuyển dụng một giám đốc cơ sở mới.

không hợp nghĩa, câu C-recruit (tuyển dụng ai đó) là đáp án chính xác.

117. The team's contributions to the Ription Group's marketing plan were very ----- acknowledged.

- (A) favor
(B) **favorably**
(C) favorable
(D) favored

Tạm dịch:

117. Những đóng góp của nhóm về kế hoạch tiếp thị của tập đoàn Ription đã được công nhận một cách ưu thích.

Phân tích: Vị trí trống cần điền một trạng từ. Vậy câu B-favorably (be + adv+ V3/ed) là đáp án đúng.

118. ----- receiving the engineering award, Ms. Kwon made a point of thanking longtime mentors.

- (A) Onto
(B) Unlike
(C) About
(D) **Upon**

Tạm dịch:

118. **Vào lúc** nhận giải thưởng kỹ sư, cô Kwon đã gửi lời cảm ơn đến những cố vấn lâu năm.

Phân tích: câu D-upon (vào lúc) là đáp án đúng bởi vì câu A-onto (nghĩa bên trên), câu B-unlike (khác với) và câu C-about (về) mang nghĩa không thuyết phục.

119. Please read the list of ----- qualifications to ensure that you have the necessary education and experience for the position.

- (A) slight
(B) equal
(C) obliged
(D) **essential**

Tạm dịch:

119. Xin vui lòng đọc danh sách các bằng cấp **cần thiết** để đảm bảo rằng bạn sự giáo dục và kinh nghiệm cần thiết cho vị trí này.

Phân tích: Xét về nghĩa, câu A-slight (nhẹ), câu B-equal (bằng nhau), câu C-obliged (bắt buộc) không hợp với ngữ cảnh của câu, câu D-essential- (thiết yếu, cần thiết) là đáp án đúng.



120. Choosing the best software tool to eliminate computer viruses is rarely simple, -----
-- it is important to seek expert advice.

- (A) why
- (B) then
- (C) nor
- (D) so**

Tạm dịch:

120. Chọn công cụ phần mềm tốt nhất để loại bỏ virus máy tính hiếm khi đơn giản, vì thế thật quan trọng để tìm kiếm lời khuyên từ các chuyên gia.

Phân tích: câu D-so (vì thế) là đáp án đúng, trong khi câu A-why (tại sao), câu B-then (sau đó) và câu C-nor (cũng không) sai về nghĩa.

121. Ms.Delgado would like to meet with all loan officers ----- reviewing any more loan applications.

- (A) now that
- (B) as though
- (C) before**
- (D) often

Tạm dịch:

121. Bà Delgado muốn gặp tất cả các nhân viên cho vay **trước khi** xem xét thêm bất kỳ đơn xin vay nào.

Phân tích: Sau câu A-now that (= because) và as though là mệnh đề S+V, câu D-often (thường) sai vì không có chủ ngữ phía trước, câu C-before (S+V/V-ing) là đáp án chính xác.

122. Cedar Branch Hill has a ----- as a business-friendly environment that provides efficient licensing and other legal processes.

- (A) prediction
- (B) courtesy
- (C) reputation**
- (D) statement

Tạm dịch:

122. Đồi Cedar Branch có **danh tiếng** như một doanh nghiệp thân thiện với môi trường, nó đề ra giấy phép hiệu quả và các quy trình pháp lý khác.

Phân tích: Câu A-prediction (dự đoán), câu B-courtesy (lịch sự), câu D-statement (lời tuyên bố) không hợp nghĩa, câu C-reputation (danh tiếng) là đáp án đúng.

123. The actors held an additional rehearsal ----- perfect their performance in the final scene.

- (A) considerably
- (B) in order to**
- (C) nevertheless
- (D) as a result of

Phân tích: câu B-in order to + V (perfect) là đáp án đúng, câu A-considerably (đáng kể), câu C-nevertheless S+V (tuy nhiên), câu D-as a result of + V-ing/ N (kết quả là).



Tạm dịch:

123. Các diễn viên đã tổ chức một buổi tập diễn **để cho** thành thạo màn trình diễn trong cảnh cuối cùng.

124. RZT Technology will double the size of its Toronto laboratory to ----- the organization's rapid growth.

- (A) assign
- (B) investigate
- (C) experience
- (D) accommodate**

Tạm dịch:

124. Công nghệ RZT sẽ tăng đôi kích cỡ của phòng thí nghiệm Toronto để **thích hợp với** sự phát triển nhanh chóng của công ty

Phân tích: Câu A-assign (giao việc, phân công), câu B-investigate (đầu tư), câu C-experience (trải nghiệm), câu D-accommodate (thích hợp với) là đáp án đúng nhất nếu xét về nghĩa.

125. Even though Smithton Electronics' second quarter was not -----, the company plans to invest large sums on research.

- (A) profitable**
- (B) profiting
- (C) profitability
- (D) profitably

Tạm dịch:

125. Mặc dù quý thứ hai của Công ty Điện tử Smithton không có **sinh lời**, công ty lên kế hoạch đầu tư một khoản tiền lớn vào nghiên cứu.

Phân tích: Chỗ trống cần điền sau to be + tính từ, câu A-profitable (adj)-sinh lời, có lẽ là đáp án đúng. Trong khi đó câu B-profiting (V-ing), không dùng thì tiếp diễn mà chỉ cần thì quá khứ để diễn tả hành động đã xảy ra rồi, câu C-profitability (N), câu D-profitably (adv).

126. The Williamsport Hotel is an ideal venue for the conference because of its ----- to the airport.

- (A) achievement
- (B) proximity**
- (C) competence
- (D) exception

Tạm dịch:

126. Khách sạn Williamsport là một địa điểm lý tưởng cho hội nghị vì gần với sân bay.

Phân tích: Xét về nghĩa, câu A-achievement (thành tích), câu C-competence (năng lực, khả năng), câu D-exception (ngoại lệ) không phù hợp với ngữ cảnh câu, đáp án đúng là câu B-proximity (sự gần).



127. The second training session is for employees ----- responsibilities include processing payroll forms.

(A) **whose**

(B) which

(C) what

(D) who

Tạm dịch:

127. Buổi đào tạo thứ hai dành cho nhân viên, **những người mà** trách nhiệm của họ là xử lý các bảng lương.

Phân tích: câu B và D-(mệnh đề quan hệ who, which + V, thay thế cho chủ ngữ là người hoặc vật), câu C-what-không là mệnh đề quan hệ, câu A- whose + N (danh từ)-từ hạn định- nghĩa là của ai, của cái gì.

128. ----- poorly the high-speed printer may be functioning, it is still making copies that are adequate for our purposes.

(A) Rather

(B) Seldom

(C) **However**

(D) Thoroughly

Tạm dịch:

128. **Dù** máy in tốc độ cao có thể hoạt động tệ, nó vẫn tạo ra các bản sao phù hợp với mục đích chúng ta.

Phân tích: câu C-however + adj + S+V+O (dù như thế nào), câu A-rather (hơn là), câu B-seldom (ít khi), thoroughly (hoàn toàn).

129. The long-awaited Weka 2XG digital camera will finally be ----- at a product exhibition on August 16.

(A) reduced

(B) **unveiled**

(C) consulted

(D) resolved

Tạm dịch:

129. Máy ảnh kỹ thuật số Weka 2XG chờ đợi từ lâu sẽ **được ra mắt** tại triển lãm sản phẩm vào ngày 16 tháng 8.

Phân tích: Theo nghĩa, câu B-unveiled là đáp án đúng nhất mang nghĩa được ra mắt, tiết lộ, trong khi câu A-reduced (được giảm), câu C-consulted (được tham khảo ý kiến) và câu D-resolved (được giải quyết) không phù hợp nghĩa trong ngữ cảnh này. Tất cả đáp án thuộc dạng bị động ở tương lai.

130. Northeast Community Finance ----- an online system in order to shorten service lines at branch locations.

(A) **has implemented**

(B) to be implementing

(C) to have been implementing

(D) is implemented

Phân tích: câu B và C loại vì sau chủ ngữ "Northeast Community Finance" phải là động từ.

Câu D mang nghĩa bị động (be +V3/ed) trong khi câu hoàn toàn mang nghĩa chủ động không phù hợp. Đáp án đúng là câu



Tạm dịch:

130. Cộng đồng tài chính Đông Bắc **vừa thực hiện** hệ thống trực tuyến để rút ngắn các tuyến dịch vụ tại các địa điểm chi nhánh.

A-has implemented (have/has + V3/ed: hiện tại hoàn thành).

PART 6

Garden Shade Tree Landscaping

Garden Shade creates tree landscapes and hedges to suit every garden, no matter the size. Our designs have 131_____ small urban gardens as well as large-scale projects commissioned by architects and property developers. 132_____. However, no single nursery can offer trees of all species and sizes. That is why Garden Shade has developed close relationships with many specialist growers 133_____ to provide us with the trees we need. Such resources give us the variety necessary to complete any 134_____. In other words, whatever your landscape design dream, we can make it happen.

Tạm dịch: Cây Cảnh Garden Shade

Garden Shade tạo cảnh quan và hàng rào cây xanh phù hợp với mọi khu vườn, bất kể kích thước. Thiết kế của chúng tôi gồm các khu vườn đô thị **được biến đổi** nhỏ cũng như các dự án quy mô lớn được ủy quyền bởi các kiến trúc sư và nhà phát triển bất động sản. **Đối với hầu hết các dự án, chúng tôi sử dụng cây từ các vườn ươm của chúng tôi.** Tuy nhiên, không một vườn ươm nào có thể cung cấp cây thuộc tất cả các loài và kích cỡ. Đó là lý do tại sao Garden Shade đã phát triển mối quan hệ chặt chẽ với nhiều người trồng chuyên gia **sẵn sàng** cung cấp cho chúng tôi những cây chúng ta cần. Các tài nguyên như vậy cung cấp cho chúng tôi sự đa dạng cần thiết để hoàn thành bất kỳ **đơn hàng** nào. Nói cách khác, bất cứ điều gì thiết kế cảnh quan của bạn mơ ước, chúng tôi có thể thực hiện nó.

131.

- (A) **transformed**
- (B) related
- (C) collected
- (D) planted

Phân tích: Ở câu trước đó có nói “no matter the size”, tức là liên quan tới kích thước, cùng với đó là sau chỗ trống có nói tới “large-scale” cũng là kích thước. Trong 4 đáp án, chỉ có đáp án A “transformed” – “biến đổi” là phù hợp với nội dung câu, vì chỉ có động từ đó tác động được tới “kích cỡ”. Vậy nên câu A đúng.

132.

- (A) We are here to answer your landscaping questions.
- (B) **For most projects, we use trees from our own nurseries.**
- (C) Some trees have specific growing requirements.
- (D) Under normal conditions, nursery stock is guaranteed for one year.

Phân tích: Ở câu sau có nói tới “trees of all species and sizes”, vậy nên câu A và D không có liên quan về nội dung nên loại bỏ. Câu sau được liên kết bằng từ “however”, tức là nghĩa nó phải đối lập với câu trước, còn câu C lại có cùng nghĩa với câu sau nên không chọn. Vậy nên B là đáp án đúng.

133.

- (A) readiness
- (B) readies
- (C) readiest
- (D) **ready**

Phân tích: Trong chỗ trống, chúng ta cần một động từ hoặc tính từ vì trước đó đã là danh từ, sau đó lại là “to”, vậy nên không chọn câu A. Không chọn câu B vì đó là danh từ ở dạng **so sánh nhất**, mà lại không có từ “the” đi trước chỗ trống. Câu C không chọn vì “growers” là danh từ số nhiều, không thêm “es” sau động từ. Vậy nên câu D là đáp án đúng.



134.

- (A) study
- (B) form
- (C) **order**
- (D) survey

Phân tích: Xét về mặt nội dung của cả bài, đoạn văn đang nói về việc khả năng đáp ứng yêu cầu – “order” của khách hàng, chứ không nhắc tới “khảo sát”, nên không chọn 3 câu A, B, D. Vậy nên câu C là đáp án đúng.

To: Staff

From: Amy Henwith

Date: 15 January

Subject: Exciting news

Dear Staff,

Thanks for a great year! In case you haven't heard, Henwith Home Supply will be 135_____ our second store this spring. This additional retail site will be located in the shopping centre at the corner of Aberton Parkway and Sutton Avenue in Derbyshire.

We will be accepting applications for cashiers and sales positions 136_____ 1 April. The personnel director will review applicants' qualifications from 2 April to 6 April, and 137_____ is scheduled to begin one week later. 138_____.

Best,

Amy Henwith, CEO
Henwith Home Supply

Tạm dịch: Gửi: Nhân viên

Từ: Amy Henwith

Ngày: 15 tháng 1

Chủ đề: Tin tức thú vị

Gửi nhân viên,

Cảm ơn vì một năm tuyệt vời! Trong trường hợp bạn chưa nghe thấy, Henwith Home Supply sẽ **mở** cửa hàng thứ hai của chúng ta vào mùa xuân này. Chi nhánh bán lẻ bổ sung này sẽ được đặt tại trung tâm mua sắm ở góc đường Aberton Parkway và Đại lộ Sutton ở Derbyshire.

Chúng ta sẽ chấp nhận đơn đăng ký cho nhân viên thu ngân và vị trí bán hàng **cho đến** ngày 1 tháng Tư. Giám đốc nhân sự sẽ xem xét trình độ của ứng viên từ ngày 2 tháng 4 đến ngày 6 tháng 4 và **việc đào tạo** dự kiến sẽ bắt đầu sau đó một tuần. **Hãy chia sẻ tin tức này với bất kỳ người bạn nào quan tâm.**

Trân trọng,

Amy Henwith, Giám đốc điều hành
Henwith Home Supply

135.

- (A) moving
- (B) renovating
- (C) expanding
- (D) **opening**

Phân tích: Sau chỗ trống có nói “our **second** store”, và ở câu sau đó là “This **additional** site”, tức là nơi đó là một nơi mới hoàn toàn. Trong khi đó, các câu A, B, C đều là hoạt động của nơi **cũ** vốn đã tồn tại nên không chọn. Vậy nên D là đáp án đúng.

136.

- (A) **until**
- (B) following
- (C) according to
- (D) for

Phân tích: Ở câu sau có nhắc tới thời điểm bắt đầu một hoạt động mới là “2 April”, tức là ngay sau “1 April” ở sau chỗ trống, vậy nên chúng ta cần một giới từ để biến “1 April” thành thời điểm kết thúc trước đó. Trong 4 đáp án chỉ có A – until tức là “cho tới” là đáp ứng điều đó, nên câu A đúng.

137.

- (A) trainer
- (B) **training**
- (C) train
- (D) trained

Phân tích: Trong chỗ trống chúng ta cần một danh từ chính, nên không thể chọn câu D. Xét về nghĩa thì D - “trainer” (người huấn luyện) không thể được “scheduled”, còn C - “train” (dạng danh từ nghĩa là “tàu hỏa”) phải có mạo từ (a, an, the) đứng trước, nên không chọn 2 câu đó. Chỉ có câu B là đúng với nội dung, nên câu B đúng.



138.

(A) **Feel free to share this news with any interested friends.**

(B) Make sure you have received all of the material.

(C) Contact Henwith Home Supply if you are still waiting for a response.

(D) Access to the main entrance will be blocked by construction.

Phân tích: Trong cả văn bản không hề nhắc tới “material” gì, nên không chọn câu B. Văn bản là dành cho “Staff” – nhân viên của chính nơi đó, nên không thể bảo họ liên lạc với chính nơi đó như người ngoài, nên không chọn câu C. Trong cả văn bản không hề nhắc gì tới “entrance”, nên không chọn câu D. Đây là một “news” dành cho nhân viên, vậy nên câu A là đáp án đúng.

Amon Donates to Music School in Grenel City

A spokesperson for Brenda Amon 139_____ that the pianist made a sizeable donation toward the expansion of the Grenel City Conservatory of Music. "Without her generous support," said Marc Diaz, director of facility planning, "we would have been limited in our renovation plans going forward." 140_____. Now, a new wing will be constructed on the south end of the 141_____ conservatory. Once completed, the building will boast a 700-seat auditorium, state-of-the-art recording studios, and new faculty and administrative offices. Additionally, private practice rooms will be located 142_____ the current student lounge.

Tạm dịch: Amon quyên góp cho trường âm nhạc ở thành phố Grenel

Người phát ngôn của Brenda Amon **đã xác nhận** rằng nghệ sĩ piano đã quyên góp đáng kể cho việc mở rộng Nhạc viện thành phố Grenel. "Nếu không có sự hỗ trợ hào phóng của cô ấy", Marc Diaz, giám đốc kế hoạch cơ sở, nói, "chúng tôi sẽ bị hạn chế trong kế hoạch cải tạo trong tương lai."

Dự án đã bị trì hoãn vì cắt giảm ngân sách. Bây giờ, một cánh mới sẽ được xây dựng ở đầu phía nam của nhạc viện **hiện có**. Sau khi hoàn thành, tòa nhà sẽ khoe mình với khán phòng 700 chỗ, phòng thu âm hiện đại, và các khoa và văn phòng hành chính mới. Ngoài ra, các phòng thực hành cá nhân sẽ được đặt **liền kề** với phòng chờ sinh viên hiện tại.

139.

(A) confirm

(B) confirmation

(C) **has confirmed**

(D) will confirm

Phân tích: Chỗ trống nằm sau một cụm danh từ và trước từ “that”, nên cần một động từ, nên không thể chọn câu B. Câu có chỗ trống là một câu tường thuật lại một sự việc đã diễn ra rồi, vậy nên thì của động từ chính trong câu phải ở thì **hiện tại hoàn thành** hoặc **quá khứ**, vậy nên câu C là đáp án đúng.

140.

(A) Ms. Amon's performance at the conservatory was outstanding.

(B) **The project had been delayed because of budget cuts.**

(C) Student enrollment has decreased over the past few years.

(D) The original conservatory is being converted into student housing.

Phân tích: Câu trước đã nói “we would have been limited in our renovation plans...”. Chỉ có câu B giải thích cho việc “have been limited” đó, đồng thời cung cấp lý do “budget cuts” tương ứng với “generous support” ở câu trước, nên B là đáp án đúng.

141.

(A) temporary

(B) **existing**

(C) corrected

(D) proposed

Phân tích: Xét theo nội dung của bài, thì cái “conservatory” đã vốn tồn tại rồi, mới có thể có phía “south end” để làm mốc cho “new wing”, vậy nên không thể chọn câu D – “được đề xuất” hay A – “tạm thời”. Về nghĩa của danh từ “conservatory”



– “nhạc viện” thì không thể đi với tính từ “corrected”. Vậy nên câu B là đáp án đúng.

142.

- (A) adjacent to
- (B) even though
- (C) instead of
- (D) as well as

Phân tích: Sau động từ “locate”, chúng ta cần một trạng từ chỉ vị trí để tương quan với “the current student lounge.” Chỉ có câu A – “liền kề” là chỉ vị trí, nên câu A đúng.

Date: 11 January

To: Mitchell Parker <mparker@allmail.co.za>

From: Inez Lofaro <ilofaro@daqtex.co.za>

Subject: Product recall

Dear Mr. Parker,

Thank you for your recent 143_____ of the Daqtex Mini-V camera. We are contacting everyone who has recently bought this product to inform them that certain models are being recalled for repair. In these models, the electronic chip that enables the digital conversion of light is faulty.

144_____. Please 145_____ whether your camera has this problem by checking the serial number on the bottom of the camera. If it ends with the letters TVX, a repair will be required. Daqtex will pay all shipping costs for sending your Mini-V back to us. In addition, we will repair 146_____ free of charge.

Thank you,

Inez Lofaro, Customer Service Manager

Daqtex Industries

Tạm dịch: Ngày: 11 tháng 1

Tới: Mitchell Parker <mparker@allmail.co.za>

Từ: Inez Lofaro <ilofaro@daqtex.co.za>

Chủ đề: Thu hồi sản phẩm

Kính gửi anh Parker,

Cảm ơn bạn đã **mua** máy ảnh Daqtex Mini-V gần đây. Chúng tôi đang liên hệ với tất cả những người gần đây đã mua sản phẩm này để thông báo cho họ rằng một số mẫu nhất định đang bị thu hồi để sửa chữa. Trong các mẫu này, chip điện tử cho phép chuyển đổi ánh sáng kỹ thuật số bị lỗi.

Kiểm khuyết này sớm muộn sẽ ảnh hưởng tới sự rõ nét của hình ảnh của bạn. Vui lòng **xác minh** xem máy ảnh của bạn có vấn đề này hay không bằng cách kiểm tra số sê-ri ở dưới cùng của máy ảnh. Nếu nó kết thúc bằng chữ TVX, việc sửa chữa sẽ được yêu cầu. Daqtex sẽ trả tất cả chi phí vận chuyển để gửi lại Mini-V của bạn cho chúng tôi. Ngoài ra, chúng tôi sẽ sửa chữa **nó** miễn phí.

Cảm ơn bạn,

Inez Lofaro, Giám đốc dịch vụ khách hàng

Tập đoàn Daqtex

143.

- (A) purchase
- (B) review
- (C) gift
- (D) demonstration

Phân tích: Ở câu sau có nói “...everyone who has **recently bought** this product...”, tức là có bao gồm Parker trong đó. Trong các đáp án chỉ có A – “purchase” là có nghĩa là “việc mua hàng”, vậy nên A là đáp án đúng.

144.

- (A) We hope you will enjoy the product for many years to come.
- (B) It is covered in the troubleshooting section of the manual.
- (C) **This defect will eventually interfere with the clarity of your images.**
- (D) This special feature is unavailable on some older models.

Phân tích: Trong câu trước đó đã nói “...is faulty”, tức là “có lỗi”, vậy nên xét theo nội dung thì không thể chọn câu A và D vì 2 câu này nói về tính năng tích cực. Cũng không thể chọn câu B, vì nội dung câu này mâu thuẫn với việc phải thu hồi sản phẩm đã nhắc trước đó. Vậy nên câu C đúng.

145.

- (A) verification

Phân tích: Sau “please” chúng ta cần một động từ **nguyên mẫu**, vậy nên câu C là đáp án đúng.



- (B) verified
(C) **verify**
(D) verifies

146.

- (A) mine
(B) **it**
(C) theirs
(D) these

Phân tích: Dựa theo nội dung văn bản, chúng ta đã biết Parker chỉ mua 1 máy ảnh cụ thể, tức là danh từ phải ở dạng số ít, nên không chọn D - these. Nó thuộc về Parker chứ không phải người viết, nên không chọn câu A, cũng không thuộc về nhân vật “thứ ba” nào nên không chọn C – theirs. Vậy nên B là đáp án đúng.

PART 7

Fastest Fleet

RATE OUR SERVICES AND WIN FREE TRAVEL!

Visit our Web site at www.fastestfleet.com/feedback and fill out the 5-minute questionnaire. You could win one of 10 FREE round-trip bus trips to any destination within the continental United States!

You must be 18 or older to participate. Only customers who have previously traveled with Fastest Fleet are eligible to enter.

Đội xe Nhanh nhất

ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI VÀ ĐƯỢC DU LỊCH MIỄN PHÍ!

Truy cập trang web của chúng tôi tại www.fastestfleet.com/feedback và điền vào bảng câu hỏi dài 5 phút. Bạn có thể giành được một trong 10 chuyến xe buýt khứ hồi MIỄN PHÍ đến bất kỳ điểm đến nào trong lục địa Hoa Kỳ!

Bạn phải đủ 18 tuổi trở lên để tham gia. Chỉ những khách hàng trước đây đã đi với Đội xe Nhanh nhất mới đủ điều kiện tham gia.

147. Where would the notice likely be seen?

- (A) In an airport
(B) **In a bus station**
(C) In a train station
(D) In a ferry terminal

Thông báo trên là về dịch vụ của Fastest Fleet, mà dịch vụ được cung cấp ở đây là “bus trips” – chuyến xe buýt, nên Fastest Fleet là một hãng xe buýt, và hãng xe buýt thì sẽ đăng thông báo ở trạm xe buýt chứ không thể ở 3 nơi còn lại, nên B là đáp án đúng.

148. What are customers asked to do?

- (A) **Provide feedback**
(B) Buy a round-trip ticket
(C) Take advantage of a discount
(D) Join a customer loyalty program

Tựa đề thông báo nhắc tới “ĐÁNH GIÁ DỊCH VỤ CỦA CHÚNG TÔI...” (RATE OUR SERVICES...), và cụm từ đó đồng nghĩa với “provide feedback”, vậy nên A là đáp án đúng.

147. Thông báo có thể được nhìn thấy ở đâu?

- (A) Trong một sân bay
(B) **Trong một trạm xe buýt**
(C) Trong một nhà ga xe lửa
(D) Trong một bến phà

148. Khách hàng được yêu cầu làm gì?

- (A) **Cung cấp thông tin phản hồi**
(B) Mua vé khứ hồi
(C) Tận dụng giảm giá
(D) Tham gia chương trình khách hàng thân thiết

Daniel Mather (9:38 A.M.)

Hi Sue, are you working at home today?

Susan Maldini (9:39 A.M.)

No, but I'm at an off-site meeting. What's up?

Daniel Mather (9:38 A.M.)

Chào Sue, hôm nay bạn có làm việc ở nhà không?

Susan Maldivesini (9:39 A.M.)



<p>Daniel Mather (9:41 A.M.)</p> <p>The manager asked me to make hard copies of some contract agreements for our records. I forgot my printer card at home. Could I borrow yours?</p> <p>Susan Maldini (9:42 A.M.)</p> <p>Sure thing. It's in the business card holder on my desk.</p> <p>Daniel Mather (9:55 A.M.)</p> <p>Okay, done. Thank you! I put it back on your desk.</p>	<p>Không, nhưng tôi đang ở một cuộc họp ngoài công trường. Chuyện gì thế?</p> <p>Daniel Mather (9:41 A.M.)</p> <p>Người quản lý yêu cầu tôi tạo các bản sao giấy của một số thỏa thuận hợp đồng cho hồ sơ của chúng tôi. Tôi quên thẻ dùng máy in ở nhà. Tôi có thể mượn của bạn không?</p> <p>Susan Maldini (9:42 A.M.)</p> <p>Chắc chắn rồi. Nó ở trong ngăn đựng danh thiếp trên bàn của tôi.</p> <p>Daniel Mather (9:55 A.M.)</p> <p>Được rồi, xong rồi. Cảm ơn bạn! Tôi đặt nó trở lại bàn của bạn đây.</p>
--	---

149. What task was Mr. Mather given?

- (A) To send out contracts
- (B) To repair the photocopier
- (C) To monitor employee attendance
- (D) To make copies of some documents**

Mather nói: “The manager asked me to **make hard copies of some contract agreements**”, và “contract agreements” là một loại “documents”, vậy nên câu D đúng.

150. At 9:42A.M., what does Ms. Maldini most likely mean when she writes "Sure thing"?

- (A) She can lend Mr. Mather her card.**
- (B) She will return to the office.
- (C) She will contact the manager.
- (D) She can copy the agreements.

Câu hỏi của Mather ngay trước đó là: “Could I borrow yours (your card)?”, vậy nên câu trả lời của Maldini là dành cho việc cho mượn thẻ đó, vậy nên câu A đúng.

149. Mather được giao nhiệm vụ gì?

- (A) Gửi hợp đồng
- (B) Sửa chữa máy photocopy
- (C) Theo dõi sự tham dự của nhân viên
- (D) Tạo bản sao của một số tài liệu**

150. Vào lúc 9:42 A.M., Cô Maldives có ý gì khi cô ấy viết "Chắc chắn rồi"?

- (A) Cô ấy có thể cho ông Mather mượn thẻ của mình.**
- (B) Cô ấy sẽ trở lại văn phòng.
- (C) Cô ấy sẽ liên lạc với người quản lý.
- (D) Cô ấy có thể sao chép các thỏa thuận.

<p>MEMO</p> <p>To: Westhauser Laboratories Staff</p> <p>From: Area manager</p> <p>Date: March 22</p> <p>Re: Break-time beverages</p> <p>Beginning immediately, staff members are asked to contribute toward the cost of hot beverages available in our kitchenette. For each cup of coffee or tea you pour for yourself, we are requesting that you leave fifty cents. Please note that this amount is still far less than what you would pay at the cafe next to our building.</p> <p>Each time you prepare a beverage, just place your payment in the marked can on the counter next to the sink. As in the past, a variety of high-quality tea</p>	<p>MEMO</p> <p>Kính gửi: Nhân viên phòng thí nghiệm Westhauser</p> <p>Từ: Quản lý khu vực</p> <p>Ngày: 22 tháng 3</p> <p>Re: Đồ uống giải lao</p> <p>Bắt đầu ngay lập tức, các nhân viên được yêu cầu đóng góp vào chi phí đồ uống nóng có sẵn trong bếp nhỏ của chúng tôi. Đối với mỗi tách cà phê hoặc trà bạn tự rót, chúng tôi yêu cầu bạn để lại năm mươi xu. Xin lưu ý rằng số tiền này vẫn còn ít hơn nhiều so với số tiền bạn sẽ trả tại quán cà phê bên cạnh tòa nhà của chúng tôi.</p> <p>Mỗi khi bạn chuẩn bị đồ uống, chỉ cần đặt khoản thanh toán của bạn vào hộp được đánh dấu trên quầy bên cạnh bồn rửa. Như trong quá khứ, một</p>
--	--



and coffee supplies will be made available, and products will be restocked monthly. Your understanding is appreciated so that everyone can continue to enjoy conveniently located hot beverages throughout the workday.

loạt các nguồn cung cấp trà và cà phê chất lượng cao sẽ được cung cấp, và các sản phẩm sẽ được bổ sung hàng tháng. Chúng tôi rất trân trọng sự thông cảm của bạn để mọi người có thể tiếp tục thưởng thức đồ uống nóng có vị trí thuận tiện trong suốt cả ngày làm việc.

151. What is the purpose of the memo?

- (A) **To explain a new policy**
- (B) To discourage long breaks
- (C) To provide a budget update
- (D) To address staff complaints

Trong đoạn văn có câu: “staff members are asked to...” – tức là “nhân viên được yêu cầu...” nghĩa là đó là một chính sách, vậy nên câu A đúng.

152. What are staff members asked to do?

- (A) Bring their own beverages to work
- (B) **Leave payments in a container**
- (C) Submit requests for supplies
- (D) Keep the kitchenette tidy

Trong đoạn văn có câu: “Each time you prepare a beverage, just place your payment in the marked can...”, với “leave payment” = “place payment”, và “marked can” là một “container” (chỗ đựng), nên câu B đúng.

151. Mục đích của bản ghi nhớ là gì?

- (A) **Để giải thích một chính sách mới**
- (B) Để ngăn chặn việc giải lao dài
- (C) Để cung cấp cập nhật ngân sách
- (D) Để giải quyết khiếu nại của nhân viên

152. Nhân viên được yêu cầu làm gì?

- (A) Mang đồ uống của riêng họ đi làm
- (B) **Để lại các khoản thanh toán trong một chỗ đựng**
- (C) Gửi yêu cầu cho nguồn cung cấp
- (D) Giữ bếp nhỏ gọn gàng

Attention Milwaukee Modern Art Museum Visitors

The Meacham Room is closed temporarily as we prepare the space for the Modern Artist Showcase, which will run from April 1 to June 30.

We encourage you to return to experience this much-anticipated exhibit that will feature paintings, sculpture, and multimedia works by acclaimed international artists such as Sally Acosta, Frank Kember, Kimberly Hong, and Matilda Breeland. Of note is newcomer Theodore Carmody's sculpture collection that was dubbed "most exciting debut of the decade" by Ethan Lerner, renowned and respected critic of the *Ireland Arts Chronicle*. More information about the featured artists and the exhibit can be found at www.milwaukeeemodernart.org. Or download our museum app to keep current with all upcoming events.

Thông báo tới Khách tham quan Bảo tàng nghệ thuật hiện đại Milwaukee

Phòng Meacham tạm thời đóng cửa khi chúng tôi chuẩn bị không gian cho Showcase Nghệ sĩ hiện đại, sẽ diễn ra từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 30 tháng 6.

Chúng tôi khuyến khích bạn quay trở lại để trải nghiệm triển lãm được mong đợi này với các tác phẩm hội họa, điêu khắc và đa phương tiện của các nghệ sĩ quốc tế nổi tiếng như Sally Acosta, Frank Kember, Kimberly Hong và Matilda Breeland. Đáng chú ý là Bộ sưu tập điêu khắc của cái tên mới Theodore Carmody, được mệnh danh là "tác phẩm đầu tay thú vị nhất thập kỷ" bởi Ethan Lerner, nhà phê bình nổi tiếng và đáng kính của tờ Thời báo Nghệ thuật Ireland. Thông tin thêm về các nghệ sĩ nổi bật và triển lãm có thể được tìm thấy tại www.milwaukeeemodernart.org. Hoặc tải xuống ứng dụng bảo tàng của chúng tôi để cập nhật với tất cả các sự kiện sắp tới.

153. What is indicated about the museum?

- (A) **It is promoting an upcoming exhibit on its Web site.**

153. Những gì được chỉ định về bảo tàng?

- (A) **Nó đang quảng bá một triển lãm sắp tới trên trang web của nó.**



- (B) It is known for its sculpture exhibits.
(C) It will be closed for renovations in April.
(D) Its upcoming exhibit is free for museum members.

Đoạn văn có câu: “More information... can be found at www.milwaukee modernart.org”, tức là nhiều thông tin hơn nữa được đăng trên trang web đó của bảo tàng, và các thông tin này là để quảng bá cho “the exhibit”, vậy nên câu A đúng.

154. Who is Ms. Breeland?

- (A) A journalist
(B) **An artist**
(C) A museum curator
(D) An art critic

Breeland được nhắc tới trong câu: “international artists such as... and Matilda Breeland”, tức là bà ấy nằm cùng trong nhóm “international artists”, vậy nên câu B đúng.

155. Who was praised by Mr. Lerner?

- (A) Ms. Acosta
(B) Mr. Kember
(C) Ms. Hong
(D) **Mr. Carmody**

Trong đoạn văn có câu: “Theodore Carmody's sculpture collection that was dubbed “most exciting debut of the decade” by Ethan Lerner”, tức là Ethan trao lời khen đó cho tác phẩm của Carmody, vậy nên câu D đúng.

- (B) Nó được biết đến với triển lãm điêu khắc của nó.
(C) Nó sẽ bị đóng cửa để cải tạo vào tháng Tư.
(D) Triển lãm sắp tới của nó là miễn phí cho bảo tàng các thành viên.

154. Bà Breeland là ai?

- (A) Một nhà báo
(B) **Một nghệ sĩ**
(C) Một người phụ trách bảo tàng
(D) Một nhà phê bình nghệ thuật

155. Ai được ông Lerner khen ngợi?

- (A) Bà Acosta
(B) Ông Kember
(C) Cô Hong
(D) **Ông Carmody**

Change of Work Order

General Contractor: Howard Kleiber Mercrest Construction. 106 Pickens Way. Columbus. OH 43211

Property Owner: Oscar Copeland. 866 Andell Road. Columbus. OH 43215

Project Start Date: July 10

Project End Date: July 15

The contractor is hereby instructed to make the following changes to the contract documents:

Description of Work Added/Deleted:

Client will now be supplying the countertops and faucet in addition to the kitchen cabinets. Therefore, the total project cost will be adjusted to only include the cost of installation.

Original Contract Price: \$ 3,496

Net Reduction from Previous Contract: -\$2,412

Total Project Cost with Approved Changes: \$1,084

Thay đổi thứ tự công việc

Tổng thầu: Howard Kleiber Mercrest Construction. 106 Pickens Way. Columbus. OH 43211

Chủ sở hữu tài sản: Oscar Copeland. 866 đường Andell. Columbus. OH 43215

Ngày bắt đầu dự án: ngày 10 tháng 7

Ngày kết thúc dự án: 15/7

Nhà thầu được hướng dẫn thực hiện các thay đổi sau đây đối với các tài liệu hợp đồng:

Mô tả công việc đã Thêm / Xóa:

Bây giờ khách hàng sẽ được cung cấp thêm mặt bàn và vòi bên cạnh tủ bếp. Do đó, tổng chi phí dự án sẽ được điều chỉnh để chỉ bao gồm chi phí lắp đặt.

Giá hợp đồng gốc: \$3,496

Giảm ròng từ hợp đồng trước: - \$2,412

Tổng chi phí dự án với các thay đổi được phê duyệt: \$1,084



Revised Payment Schedule: 15% of total project cost (\$162) is due upfront to secure contractor. \$222 is due on project start date, and the remainder (\$700) is due upon project completion.

Accepted by:

Contractor: Howard Kleiber

Property Owner: Oscar Copeland

Lịch thanh toán sửa đổi: 15% tổng chi phí dự án (\$162) sẽ được trả trước cho nhà thầu an toàn. \$222 được trả vào ngày bắt đầu dự án và phần còn lại (\$700) được trả khi hoàn thành dự án.

Được chấp nhận bởi:

Nhà thầu: Howard Kleiber

Chủ sở hữu tài sản: Oscar Copeland

156. Why has the price of a project been adjusted?

- (A) **The client is providing all the materials.**
- (B) The client wants to match a competitor's price.
- (C) The contractor installed countertops incorrectly.
- (D) The contractor overestimated the cost of labor.

Trong đoạn văn có câu: “**Client will now be supplying** the countertops and faucet in addition to the kitchen cabinets... the **total project cost will be adjuste...**” Tức là do khách hàng cung cấp các vật liệu đó, nên giá hợp đồng được thay đổi. Vậy nên câu A đúng.

157. How much money will Mr. Copeland most likely give Mr. Kleiber on July 15?

- (A) \$162
- (B) \$222
- (C) **\$700**
- (D) \$1,084

Trong đoạn văn có nói: “the remainder (\$700) is due **upon project completion**”, mà “Project End Date: July 15” với project end date = project completion, vậy nên câu C đúng.

156. Tại sao giá của một dự án đã được điều chỉnh?

- (A) **Khách hàng đang cung cấp tất cả các vật liệu.**
- (B) Khách hàng muốn khớp giá của đối thủ cạnh tranh.
- (C) Nhà thầu lắp đặt mặt bàn không chính xác.
- (D) Nhà thầu đã đánh giá quá cao chi phí lao động.

157. Ông Copeland sẽ trả bao nhiêu tiền cho ông Kleiber vào ngày 15 tháng 7?

- (A) \$ 162
- (B) \$ 222
- (C) **\$ 700**
- (D) \$ 1,084

To: Dahlia Pawar <dpawar@bronsonco.ca>

From: Anna Bondell <abondell@noaaa.com>

Subject: Information

Date: August 25

Dear Ms. Pawar:

Thank you for your continued membership in the North American Architects Association.

I'm writing to remind you that preregistration for the annual conference closes on September 15. - [1] -. This year's conference features more than 100 sessions, an exhibit hall, and special workshops. - [2] -. - .

Preregistration will save you \$30 off the regular registration fee. - [3] -. At the same time, you'll be able to sign up in advance for a group tour of the city

Tới: Dahlia Pawar <dpawar@bronsonco.ca>

Từ: Anna Bondell <abondell@noaaa.com>

Chủ đề: Thông tin

Ngày: 25 tháng 8

Kính gửi cô Pawar:

Cảm ơn bạn đã tiếp tục là thành viên của Hiệp hội Kiến trúc sư Bắc Mỹ.

Tôi đang viết để nhắc bạn rằng việc đăng ký trước cho hội nghị thường niên sẽ kết thúc vào ngày 15 tháng 9 - [1] -. Hội nghị năm nay có hơn 100 phiên, một phòng triển lãm và các hội thảo đặc biệt. - [2] -. - .

Việc đăng ký trước sẽ giúp bạn tiết kiệm được 30 đô la phí đăng ký thông thường. - [3] -. Đồng thời, bạn sẽ có thể đăng ký trước cho một chuyến tham quan nhóm của thành phố và cho bữa tiệc VIP, nơi luôn



<p>and for the VIP Banquet, which always fills up quickly. Visit our Web site to register online. - [4] - . If you prefer to register by telephone, contact us at 1-249-555-0177. Please have your membership number available.</p> <p>Looking forward to seeing you in Mexico City!</p> <p>Sincerely,</p> <p>Anna Bondell</p> <p>Membership Coordinator</p>	<p>đầy ắp nhanh chóng. Ghé thăm trang web của chúng tôi để đăng ký trực tuyến. - [4] - . Nếu bạn muốn đăng ký qua điện thoại, liên hệ với chúng tôi theo số 1-249-555-0177. Vui lòng có sẵn số thành viên của bạn.</p> <p>Mong được gặp bạn ở Mexico City!</p> <p>Trân trọng,</p> <p>Anna Bondell</p> <p>Điều phối viên</p>
--	---

158. What most likely is Ms. Pawar's occupation?

- (A) Architect
- (B) Writer
- (C) Travel agent
- (D) Conference organizer

Trong đoạn văn có nói: “your continued **membership** in the North American **Architects Association**”, tức là cô ta là thành viên của Hiệp hội Kiến trúc sư, vậy nên cô ta phải là kiến trúc sư, nên câu A đúng.

159. What is NOT a benefit of conference preregistration?

- (A) A tour of Mexico City
- (B) A hotel room upgrade
- (C) Admission to a dinner
- (D) Reduced registration fees

Trong đoạn văn có: “for a group **tour of the city**”, mà “the city” là “Mexico city”, như vậy câu A có trong bài. Trong đoạn văn có “you'll be able to **sign up**... for the **VIP Banquet**”, với Banquet = dinner, vậy nên câu C có trong bài. Trong đoạn văn lại có: “Preregistration will **save you \$30 off the regular registration fee**”, mà “save something off” = “reduce”, nên câu D có trong bài. Vậy nên câu B là đáp án đúng vì không có trong bài.

160. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?

"You will also find the complete conference program there."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]

Trước vị trí [4] là một từ chỉ vị trí: “**out Web site**”, phù hợp với câu được cho vì trong câu đó giới từ là “there” chỉ vị trí. Vậy nên câu D đúng.

158. Nghề nghiệp của cô Pawar là gì?

- (A) Kiến trúc sư
- (B) Nhà văn
- (C) Đại lý du lịch
- (D) Nhà tổ chức hội nghị

159. Điều gì **KHÔNG** phải là lợi ích của việc đăng ký trước cho hội nghị?

- (A) Một tour du lịch của Mexico City
- (B) **Nâng cấp phòng khách sạn**
- (C) Vé vào một bữa ăn tối
- (D) Giảm phí đăng ký

160. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3], và [4], câu sau phù hợp ở đâu nhất?

"Bạn cũng sẽ tìm thấy chương trình hội nghị hoàn chỉnh ở đó."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]

<p>Kurt Webber (4:30P.M.)</p> <p>Jake and I are grabbing a bite to eat after work, around 5:30. Anyone care to join us?</p>	<p>Kurt Webber (4:30 P.M.)</p> <p>Jake và tôi đang tìm một món để ăn sau giờ làm việc, khoảng 5:30. Có ai muốn tham gia với chúng tôi?</p>
--	---



Davi Avril (4:31P.M.)

Maybe. I still have some work to do on the midyear report. Where are you planning to go?

Kurt Webber (4:32P.M.)

We're thinking of trying the new Mexican place on Slate Road. It's called Ocho Coronas.

Tim Foxx (4:33P.M.)

You're out of luck. That place closed a few days ago.

Kurt Webber (4:34P.M.)

That's too bad. I heard great things about it.

Tim Foxx (4:36P.M.)

How about Lotus Tacos around the corner? They always have a special menu on Fridays.

Kurt Webber (4:37P.M.)

That would be great. Do you want to go to Lotus Tacos, Jake?

Davi Avril (4:38P.M.)

OK, but I won't be able to get there till about six.

Jake Rivas (4:39P.M.)

Sounds good to me. And Davi, I just sent you the updated figures for the report.

Davi Avril (4:31 P.M.)

Có lẽ. Tôi vẫn còn một số việc phải làm trên báo cáo giữa năm. Bạn định đi đâu?

Kurt Webber (4:32 P.M.)

Chúng tôi đang nghĩ đến việc thử quán Mexico mới trên Đường Slate. Nó được gọi là Ocho Coronas.

Tim Foxx (4:33 P.M.)

Bạn xui rồi. Nơi đó đã đóng cửa vài ngày trước.

Kurt Webber (4:34 P.M.)

Điều đó thật tệ. Tôi đã nghe những điều tuyệt vời về nó.

Tim Foxx (4:36 P.M.)

Lotus Tacos gần đây thì sao? Họ luôn có một thực đơn đặc biệt vào thứ Sáu.

Kurt Webber (4:37 P.M.)

Điều đó sẽ rất tuyệt. Bạn có muốn đến Lotus Tacos không, Jake?

Davi Avril (4:38 P.M.)

OK, nhưng tôi sẽ không thể đến đó khoảng sáu giờ.

Jake Rivas (4:39 P.M.)

Nghe có vẻ tốt với tôi. Và Davi, tôi vừa gửi cho bạn các số liệu cập nhật cho báo cáo.

161. What are the writers discussing?

- (A) Where to hold a company banquet
- (B) What restaurant serves the best food
- (C) What is on the menu at Ocho Coronas
- (D) Where to go for dinner**

Trong câu đầu tiên có cụm từ: “**grabbing a bite to eat** after work” nghĩa là “find a place to eat”, và thời gian là “5.30pm”, tức là giờ chiều tối, vậy nên bữa ăn đó là bữa tối, nên câu D đúng.

162. What information does Mr. Foxx provide about Ocho Coronas?

- (A) People have recommended it to him.
- (B) It usually opens early on Fridays.
- (C) The food there is not very authentic.
- (D) It is no longer in business.**

Trong câu thứ 4 của Foxx có nói: “That place **closed**”, với closed = not in business và not = no longer, vậy nên câu D đúng.

163. At 4:34P.M., why most likely does Mr. Webber write, “That's too bad”?

- (A) He wanted to try a new restaurant.**

161. Các nhân vật đang thảo luận về điều gì?

- (A) Nơi tổ chức tiệc công ty
- (B) Nhà hàng nào phục vụ thức ăn tốt nhất
- (C) Có gì trong thực đơn tại Ocho Coronas
- (D) Đi ăn tối ở đâu**

162. Foxx cung cấp thông tin gì về Ocho Coronas?

- (A) Mọi người đã giới thiệu nó cho anh ta.
- (B) Nó thường mở sớm vào thứ Sáu.
- (C) Thực phẩm ở đó không được xác thực.
- (D) Nó không còn kinh doanh.**

163. Vào lúc 4:34 P.M., tại sao Webber viết “Điều đó quá tệ”?

- (A) Anh ấy muốn thử một nhà hàng mới.**



- (B) Mr. Foxx cannot complete a project.
(C) Slate Road is too far away.
(D) He has a scheduling conflict.

Câu thứ 3 của Webber nói: “We’re **thinking of trying the new Mexican place... called Ocho Coronas**”. Sau đó, Foxx đã nói là nơi đó đóng cửa. Một nơi đã đóng cửa thì không thể tới được nữa, nên điều Webber muốn không thành hiện thực, vậy nên câu A là đúng.

164. What does Mr. Avril decide to do?

- (A) Research nearby restaurants
(B) Work extra hours tomorrow
(C) **Join his coworkers for a meal**
(D) Have food delivered to the office

Ở câu 6, Foxx hỏi: “**How about** Lotus Tacos around the corner?”, và Avril trả lời: “OK,...” tức là đồng ý với điều đó. Vậy nên câu C đúng.

- (B) Foxx không thể hoàn thành một dự án.
(C) Slate Road quá xa.
(D) Anh ấy có một xung đột lịch trình.

164. Avril quyết định làm gì?

- (A) Nghiên cứu các nhà hàng gần đó
(B) Làm thêm giờ vào ngày mai
(C) **Tham gia cùng đồng nghiệp của anh ấy cho một bữa ăn**
(D) Có thức ăn được giao đến văn phòng

Multinational Voice Magazine

PO Box 17999

Greenlane

Auckland 1546

Tuata Wehi

16 Page Street

Wellington 6023

Dear Mr. Wehi,

On 25 March, your three-month trial subscription to *Multinational Voice Magazine* will expire. To continue to receive this vital news resource, please fill out the postage-paid renewal card included with this letter and mail it in before the end of this month. You may select from a three-month, six-month, one-year, or two-year subscription. Do note that our two-year offer is by far the most economical. Also, the one- and two-year options include the "Notable People of the Year" special edition.

Thank you once again for choosing Multinational Voice Magazine. We continually strive to provide the best commentary on global affairs from a New Zealand perspective. To provide your feedback, please visit www.mvmagazine.co.nz and fill out our online comment form.

Sincerely,

Tạp chí thoại Đa Quốc Gia

Hộp thư 17999

Greenlane

Auckland 1546

Tuata Wehi

Đường 16 Page

Wellington 6023

Thưa ông Wehi,

Vào ngày 25 tháng 3, đăng ký dùng thử ba tháng của ông cho Tạp chí thoại Đa Quốc Gia sẽ hết hạn. Để tiếp tục nhận những nguồn tin tức quan trọng này, vui lòng điền vào thẻ gia hạn trả phí bưu chính kèm theo thư này và gửi thư trước khi kết thúc tháng này. Ông có thể chọn từ đăng ký ba tháng, sáu tháng, một năm hoặc hai năm. Xin lưu ý rằng đề nghị hai năm của chúng tôi cho đến nay là tiết kiệm nhất. Ngoài ra, các tùy chọn một và hai năm bao gồm phiên bản đặc biệt "Những người đáng chú ý của năm".

Cảm ơn ông một lần nữa vì đã chọn Tạp chí thoại Đa Quốc Gia. Chúng tôi liên tục cố gắng để cung cấp các bình luận tốt nhất về các vấn đề toàn cầu từ quan điểm của New Zealand. Để cung cấp phản hồi của ông, vui lòng truy cập www.mvmagazine.co.nz và điền vào mẫu nhận xét trực tuyến của chúng tôi.

Trân trọng,



Estelle Pearson, Customer Service Representative

Estelle Pearson, Đại diện dịch vụ khách hàng

165. Why was the letter sent to Mr. Wehi?

- (A) To report a late payment
- (B) To offer him a refund
- (C) To promote a new service
- (D) **To remind him to resubscribe**

Trong văn bản có nói: “your three-month trial subscription... **will expire...** please **fill out the postage-paid renewal card...**”, tức là đăng ký cũ sẽ hết hạn, và hãy đăng ký mới lại. Vậy nên câu D đúng.

166. For about how long has Mr. Wehi been receiving Multinational Voice Magazine?

- (A) **For three months**
- (B) For six months
- (C) For one year
- (D) For two years

Trong văn bản có nói: “your **three-month** trial subscription... **will expire...**”, tức là thời hạn đăng ký là 3 tháng, và 3 tháng đó sắp kết thúc, tức là 3 tháng đã qua. Vậy nên câu A đúng.

167. What is one thing that Mr. Wehi is encouraged to do?

- (A) Call Ms. Pearson directly
- (B) **Offer his opinion**
- (C) Attend an event
- (D) Confirm his address

Trong văn bản có nói: “To **provide your feedback**, please...”, với provide feedback = offer opinion. Vậy nên câu B đúng.

165. Tại sao bức thư được gửi cho ông Wehi?

- (A) Để báo cáo một khoản thanh toán trễ
- (B) Cung cấp cho ông ta một khoản hoàn lại
- (C) Để quảng bá một dịch vụ mới
- (D) **Để nhắc ông ấy đăng ký lại**

Trong văn bản có nói: “your three-month trial subscription... **will expire...** please **fill out the postage-paid renewal card...**”, tức là đăng ký cũ sẽ hết hạn, và hãy đăng ký mới lại. Vậy nên câu D đúng.

166. Ông Wehi đã nhận được Tạp chí thoại Đa Quốc Gia trong bao lâu?

- (A) **Trong ba tháng**
- (B) Trong sáu tháng
- (C) Trong một năm
- (D) Trong hai năm

Trong văn bản có nói: “your **three-month** trial subscription... **will expire...**”, tức là thời hạn đăng ký là 3 tháng, và 3 tháng đó sắp kết thúc, tức là 3 tháng đã qua. Vậy nên câu A đúng.

167. Một điều mà ông Wehi được khuyến khích làm là gì?

- (A) Gọi trực tiếp cho bà Pearson
- (B) **Đưa ra ý kiến của mình**
- (C) Tham dự một sự kiện
- (D) Xác nhận địa chỉ của anh ấy

Trong văn bản có nói: “To **provide your feedback**, please...”, với provide feedback = offer opinion. Vậy nên câu B đúng.

From: info@morganairportshuttle.com

To: tgrant@tivimail.com

Subject: re: Suitcase on board

Date: January 19

Dear Mr. Grant,

Thanks for your inquiry. There are a number of suitcases in our storeroom that match the description you provided, but we have not found one bearing a name tag identifying you as the owner. You will need to come over and find yours on-site at 620 Baker St. Please note that you will be asked to indicate what time your bus left the airport terminal or, better yet, to present your ticket if you still have it.

We are open 6 A.M.-10 P.M. every day. Please do not delay. Due to the large number of items found by our drivers, we have no choice but to limit storage time to 7 days only, after which we dispose of the item.

Regards,

Gina Steiner

Morgan Airport Shuttle

Từ: info@morganairportshuttle.com

Tới: tgrant@tivimail.com

Chủ đề: re: Vali trên xe

Ngày: 19 tháng 1

Thưa ông Grant,

Cảm ơn về yêu cầu của bạn. Có một số vali trong kho của chúng tôi phù hợp với mô tả mà bạn cung cấp, nhưng chúng tôi không tìm thấy một chiếc nào mang thẻ tên xác định bạn là chủ sở hữu. Bạn sẽ cần đến và tìm thấy cái của bạn ngay địa điểm tại 620 đường Baker. Xin lưu ý rằng bạn sẽ được yêu cầu cho biết thời gian xe buýt của bạn rời nhà ga sân bay hoặc tốt hơn là xuất trình vé nếu bạn vẫn còn vé.

Chúng tôi mở cửa từ 6 A.M. đến 10 P.M. mỗi ngày. Xin đừng trì hoãn. Do số lượng lớn các món đồ được tìm thấy bởi các tài xế của chúng tôi, chúng tôi không có lựa chọn nào khác ngoài việc giới hạn thời gian lưu trữ chỉ trong 7 ngày, sau đó chúng tôi sẽ xử lý mặt hàng đó.

Trân trọng,



	Gina Steiner Xe đưa đón sân bay Morgan
--	---

168. Where does Ms. Steiner work?

- (A) **At a transportation service**
- (B) At an insurance company
- (C) At a car rental company
- (D) At a travel agency

Cuối e-mail có thông tin về chỗ làm của cô Steiner là “Xe đưa đón sân bay Morgan” (Morgan Airport Shuttle), có thể thấy Morgan là tên của 1 dịch vụ xe đưa đón nên A là đáp án đúng

169. What did Mr. Grant most likely inquire about?

- (A) Reservation options
- (B) Luggage limitations
- (C) Travel expenses
- (D) **Lost property**

Có thể thấy thông tin liên quan đến vali của ông ấy bị mất như việc bức thư thông báo thấy nhiều vali giống miêu tả của ông ấy nhưng không có thể tên để xác nhận (There are a number of **suitcases** in our storeroom that **match the description you provided**, but **we have not found one bearing a name tag identifying you as the owner**), đây là tài sản của ông ấy nên D là phương án đúng.

170. What information will Mr. Grant be asked to provide?

- (A) His address
- (B) His phone number
- (C) **His departure time**
- (D) His final destination

Ông Grant sẽ được yêu cầu cung cấp thời gian xe của ông rời nhà ga sân bay (you **will be asked to indicate what time your bus left the airport terminal**), tức là thời điểm ông ấy rời đi, vậy C là phương án đúng.

171. What is Mr. Grant advised to do?

- (A) Take advantage of a discount
- (B) Compare payment options
- (C) **Visit the office as soon as possible**
- (D) Print out an electronic ticket

Ông ấy được khuyên rằng hãy đến văn phòng (You **will need to come over** and find yours on-site at 620 Baker St) và không được trì hoãn (Please do not delay.), đồng nghĩa với việc đến sớm nhất có thể vậy C là phương án đúng.

168. Cô Steiner làm việc ở đâu?

- (A) **Tại một dịch vụ vận chuyển**
- (B) Tại một công ty bảo hiểm
- (C) Tại một công ty cho thuê xe hơi
- (D) Tại một công ty du lịch

169. Ông Grant có thể yêu cầu về vấn đề gì nhất?

- (A) Lựa chọn đặt phòng
- (B) Các giới hạn về hành lý
- (C) Các chi phí đi lại
- (D) **Tài sản bị mất**

170. Ông Grant sẽ được yêu cầu cung cấp thông tin gì?

- (A) Địa chỉ của ông ấy
- (B) Số điện thoại của ông ấy
- (C) **Thời điểm rời đi của ông ấy**
- (D) Nơi đến cuối cùng của anh ấy

171. Ông Grant được khuyên làm điều gì?

- (A) Tận dụng 1 phần giảm giá
- (B) So sánh các lựa chọn chi phí
- (C) **Ghé thăm văn phòng càng sớm càng tốt**
- (D) In ra 1 vé điện tử

<p>Spectacular Bridge Created with Super Cranes By Marcia Brunon March 14 Five years ago, the town of Stonewell, situated at the foot of the Marshall Mountains, decided to finance the building of a bridge across the Stonewell River. It was planned as a much-needed northern route for the town. --- [1] --- . The efficiency of the project was directly attributable to two RWC451 cranes, manufactured by Ronsonworks, a company based in England. The two identical tower cranes were owned by the construction</p>	<p>Chiếc cầu ngoạn mục được tạo ra với siêu cần cẩu Tác giả Marcia Ngày 14 tháng 3 Năm năm trước, thị trấn Stonewell, nằm dưới chân dãy núi Marshall, đã quyết định tài trợ cho việc xây dựng một cây cầu bắc qua sông Stonewell. Nó đã được lên kế hoạch như một tuyến đường phía bắc rất cần thiết cho thị trấn. --- [1] ---. Hiệu quả của dự án là trực tiếp đóng góp hai cần cẩu RWC451, được sản xuất bởi Ronsonworks, một công ty có trụ sở tại Anh.</p>
---	---



firm Redding Builders. One crane was assembled at the south bank of the river, while the other one was placed on a concrete pylon in the center of the Stonewell River. -- [2] --. The assembly of the second crane was particularly challenging, as it required the use of another crane on a floating barge. "Any large project is going to require unforeseen adjustments that may disrupt an official construction schedule," said Roger Lee, chief engineer of Redding Builders. -- [3] --. In this case, the metal anchors that connected the bridge to the pylons were determined to be too small. The new anchors weighed 22 tons, which is within the safe lifting capacity of an RWC451 crane. -- [4] --. Engineers reinforced the existing cranes for extra security, and the cranes performed well. Today, this postcard-worthy bridge is the pride of Stonewell, featuring viewing platforms for pedestrians, hikers, and visitors at the base of each pier overlooking the mountainous valley. Construction materials and colors harmonize beautifully with the local environment. All design elements, including the piers, viewing platforms, and railings, complement the natural landscape, making the bridge a hit with everyone from hikers to the truck drivers who now include it in their regular route.

Hai cần cầu tháp giống hệt nhau thuộc sở hữu của công ty xây dựng Redding Builders. Một cần cầu đã được lắp ráp ở bờ nam của dòng sông, trong khi một cần cầu khác được đặt trên một trụ bê tông ở trung tâm của sông Stonewell. - [2] -. Việc lắp ráp cần cầu thứ hai đặc biệt khó khăn, vì nó yêu cầu sử dụng một cần cầu khác trên sà lan nổi. "Bất kỳ dự án lớn nào cũng sẽ yêu cầu những điều chỉnh không lường trước mà có thể gián đoạn lịch trình xây dựng chính thức," Roger Lee, kỹ sư trưởng của Redding Builders nói. - [3] -. Trong trường hợp này, các neo kim loại nổi cầu với trụ được xác định là quá nhỏ. Các neo mới nặng 22 tấn, vốn nằm trong khả năng nâng hạ an toàn của cần cầu RWC451. - [4] -. Các kỹ sư đã gia cố các cần cầu hiện có để gia tăng sự an toàn hơn, và các cần cầu hoạt động tốt. Ngày nay, cây cầu đáng xuất hiện trên bưu thiếp này là niềm tự hào của Stonewell, có các chỗ ngắm cảnh cho người đi bộ, người đi bộ đường dài và du khách ở nền của mỗi bến tàu nhìn ra thung lũng núi. Vật liệu xây dựng và màu sắc hài hòa tuyệt đẹp với môi trường địa phương. Tất cả các yếu tố thiết kế, bao gồm cả cầu tàu, chỗ ngắm cảnh và lan can, bổ sung với cảnh quan thiên nhiên, làm cho cây cầu trở thành điểm nhấn với tất cả mọi người từ những người đi bộ đường dài cho đến những tài xế xe tải mà hiện đang đưa nó vào tuyến đường thường xuyên của họ.

172. What is mentioned about the cranes?

- (A) They are owned by Ronsonworks.
- (B) They were designed specifically for the Stonewell Bridge project.
- (C) **They were assembled on the Stonewell Bridge construction site.**
- (D) They weigh more than 22 tons.

2 cần cầu này được lắp ráp tại 2 vị trí trên sông Stonewell (One crane **was assembled at the south bank of the river**, while the other one was placed on a concrete pylon **in the center of the Stonewell River**) để hỗ trợ cho việc xây cầu Stonewell nên chúng chắc chắn ở công trường cầu Stonewell, vậy C là phương án đúng.

173. What is indicated by Mr. Lee?

- (A) His professional specialty is bridge construction.
- (B) **He believes that projects like the Stonewell Bridge always present problems.**
- (C) He delayed the Stonewell Bridge project for budgetary reasons.
- (D) His first project as a chief engineer was the Stonewell Bridge.

172. Điều gì được nhắc đến về những cần cầu?

- (A) Chúng thuộc sở hữu của Ronsonworks.
- (B) Chúng được thiết kế dành riêng cho dự án Cầu Stonewell.
- (C) **Chúng được lắp ráp trên công trường xây dựng cầu Stonewell.**
- (D) Chúng nặng hơn 22 tấn.

173. Những gì được chỉ ra bởi ông Lee?

- (A) Chuyên môn của anh ấy là xây dựng cầu.
- (B) **Ông tin rằng các dự án như Cầu Stonewell luôn có vấn đề.**
- (C) Ông đã trì hoãn dự án Stonewell Bridge vì lý do ngân sách.
- (D) Dự án đầu tiên của anh với tư cách là kỹ sư trưởng là Cầu Stonewell.



Ông Lee có nói các công trình lớn thường đòi hỏi các điều chỉnh không đoán trước được (**Any large project is going to require unforeseen adjustments** that may disrupt an official construction schedule) và những điều chỉnh này có thể nói là dành cho các vấn đề và dự án xây cầu này là 1 dự án lớn như vậy. Nên B là phương án đúng.

174. What is NOT suggested about the Stonewell Bridge?

- (A) It provides a northward exit out of town.
- (B) It was designed for both pedestrians and vehicles.
- (C) It was designed to blend with the natural setting.
- (D) **It required more workers than first estimated.**

174. Điều gì KHÔNG được gợi ý về Cầu Stonewell?

- (A) Nó cung cấp một lối ra phía bắc ra khỏi thị trấn.
- (B) Nó được thiết kế cho cả người đi bộ và xe cộ.
- (C) Nó được thiết kế để hòa vào khung cảnh tự nhiên.
- (D) **Nó đòi hỏi nhiều công nhân hơn so với ước tính đầu tiên.**

Phương án A được nhắc đến khi xây cầu này cần thiết cho đường hướng bắc của thị trấn (. It was planned as a **much-needed northern route for the town**), phương án B được nhắc đến khi nói xây cầu là điểm nhấn trong lộ trình thường xuyên của người đi bộ lẫn các tài xế (making the bridge a hit with everyone from hikers to the truck drivers who now include it in their regular route.) và phương án C thì nhắc đến khi việc hòa vào khung cảnh được nhấn đến như 1 trong các yếu tố thiết kế (All design elements, including the piers, viewing platforms, and railings, complement the natural landscape). Vậy D là phương án đúng.

175. In which of the positions marked [1], [2], [3], and [4] does the following sentence best belong?
"The project, which was expected to take four years, was completed in less than three."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]

175. Trong các vị trí được đánh dấu [1], [2], [3] và [4] câu nào sau đây thuộc về câu nào tốt nhất?
"Dự án, dự kiến sẽ mất bốn năm, đã hoàn thành trong vòng chưa đầy ba."

- (A) [1]
- (B) [2]
- (C) [3]
- (D) [4]

Câu trong đề nói về 1 thông tin chung của dự án cầu Stonewell, các vị trí [2], [3], [4] đều nằm giữa các câu nói về cần cầu nên không phù hợp, chỉ có phương án [1] là phù hợp nhất khi các câu trước và sau vị trí này vẫn đang cung cấp thông tin chung về dự án này.

To: Absalom and Twigg Law Firm employees
From: Shawna Montgomery, Office Manager
Subject: March plans
Sent: February 12
Attachment: Schedule
As most of you are aware, our schedule will be a bit challenging during the first week in March. Various rooms and offices will need to be vacated for certain periods to allow work crews to repaint, recarpet, and replace old furniture. Affected employees will need to box up all their office items by 3 P.M. on the day before their room is scheduled for work (please see the attached schedule). Two teams of workers will be on-site, so more than one room at a time will need to be vacated. Note that

Kính gửi: Các nhân viên của Công ty Luật Absalom và Twigg
Từ: Shawna Montgomery, Giám đốc văn phòng
Chủ đề: kế hoạch tháng 3
Đã gửi: ngày 12 tháng 2
Đính kèm: Lịch trình
Như hầu hết các bạn đều biết, lịch trình của chúng ta sẽ có một chút thách thức trong tuần đầu tiên vào tháng Ba. Nhiều phòng và văn phòng khác nhau sẽ cần phải được bỏ trống trong một số giai đoạn nhất định để cho phép các đội làm việc sơn lại, trải lại thảm và thay thế đồ nội thất cũ. Các nhân viên bị ảnh hưởng sẽ cần phải đóng gói tất cả các đồ dùng văn phòng của họ trước 3 P.M. vào ngày trước khi phòng của họ được lên lịch để làm công trình (vui lòng xem lịch trình đính kèm). Hai đội công nhân sẽ có mặt tại chỗ làm, vì vậy nhiều hơn một phòng



any rooms due for work on Monday must be packed up and vacated by Friday afternoon, February 27. Boxes will be provided. Leave your boxes in the rooms for the work crews to remove. Please label them with your name and office number so that the crews can return them to the correct offices once the work is complete.

Please make arrangements to continue working on your assignments while the work crews are in your rooms. The conference room (Room 409) will remain available to be used as a workspace during the entire week. Another possible option is to request permission from your supervisor to telecommute for one or two days.

Please have patience with these temporary inconveniences and do not hesitate to contact me with any questions or concerns.

WORK SCHEDULE – March 2 to March 6		
MONDAY, March 2	Room 401 (Meeting room)	Room 403 (Allie Stevens and Matt Beale)
TUESDAY, March 3		
WEDNESDAY, March 4	Room 402 (Marlene Asbury & Luke Roe)	Room 408 (Meeting room)
THURSDAY, March 5		
FRIDAY, March 6	Room 407 (Jung Li)	Room 404 (Elliot Hagburg & Ana Keller)

tại một thời điểm sẽ cần phải được bỏ trống. Lưu ý rằng bất kỳ phòng nào có công trình vào thứ Hai phải được đóng gói và bỏ trống vào chiều thứ Sáu, ngày 27 tháng 2. Những hộp sẽ được cung cấp. Để hộp của bạn trong phòng để các nhóm công trình di chuyển đi. Vui lòng gắn nhãn với tên và số văn phòng của bạn để các phi nhân viên có thể đưa chúng trở lại đúng văn phòng sau khi công trình hoàn thành.

Vui lòng sắp xếp để tiếp tục làm các phần việc của bạn trong khi các nhóm công trình tại phòng của bạn. Phòng hội thảo (Phòng 409) sẽ vẫn có sẵn để được sử dụng làm không gian làm việc trong cả tuần. Một lựa chọn khác có thể là yêu cầu sự cho phép từ người giám sát của bạn để làm việc từ xa trong một hoặc hai ngày.

Xin hãy kiên nhẫn với những bất tiện tạm thời này và đừng ngần ngại liên hệ với tôi với bất kỳ câu hỏi hoặc thắc mắc nào.

LỊCH CÔNG TRÌNH – 2 tháng 3 to 6 tháng 3		
THỨ 2, ngày 2 tháng 3	Phòng 401 (Meeting room)	Phòng 403 (Allie Stevens and Matt Beale)
THỨ 3, ngày 3 tháng 3		
THỨ 4, Ngày 4 tháng 3	Phòng 402 (Marlene Asbury & Luke Roe)	Phòng 408 (Meeting room)
THỨ 5, Ngày 5 tháng 3		
THỨ 6, Ngày 6 tháng 3	Phòng 407 (Jung Li)	Phòng 404 (Elliot Hagburg & Ana Keller)

176. Why was the memo sent to employees?

- (A) To alert them to upcoming renovations
- (B) To announce that the firm will be relocating
- (C) To request feedback about new workplace facilities
- (D) To address their complaints about building maintenance

Trong bài có nói về việc vào thời gian sắp tới nhiều phòng sẽ phải bỏ trống để sơn lại, trải lại thảm và thay thế nội thất (**during the first week in March**. Various rooms and offices will need to be vacated for certain periods to allow work crews to **repaint, recarpet, and replace old furniture.**), đây là những việc được coi là cải tạo nâng cấp cho văn phòng. Vậy A là phương án đúng.

177. What are employees instructed to do?

- (A) Report for work early

176. Tại sao bản ghi nhớ được gửi cho nhân viên?

- (A) Để cảnh báo họ về việc cải tạo sắp tới
- (B) Để thông báo rằng công ty sẽ di dời
- (C) Để yêu cầu phản hồi về cơ sở vật chất nơi làm việc mới
- (D) Để giải quyết các khiếu nại của họ về việc bảo trì tòa nhà

177. Nhân viên được hướng dẫn làm gì?

- (A) Báo cáo công việc sớm



- (B) Schedule a meeting with a manager
(C) **Indicate which office supplies are theirs**
(D) Update their contact information online

Họ được yêu cầu phải dán nhãn có tên và số phòng của mình trên các hộp đồ dùng văn phòng (Please label them with **your name and office number**) để xác định đồ dùng nào là của họ. C là phương án chính xác.

178. What is stated about Room 409 ?

- (A) It will be available for videoconferencing.
(B) **Employees may gather there for work.**
(C) A scheduling meeting will be held there.
(D) Its furniture will be removed temporarily.

Phòng 409 được thông báo là chỗ có thể sử dụng như 1 không gian làm việc (The conference room (**Room 409**) will remain **available to be used as a workspace**), chứng tỏ nhân viên có thể làm việc ở đó, vậy B là phương án đúng.

179. When should Ms. Asbury be ready to vacate her office?

- (A) On February 12
(B) On February 27
(C) **On March 3**
(D) On March 4

Ta thấy cô Asbury làm việc vào thứ 4 ngày 4 tháng 3, theo thông báo thì cô phải để trống văn phòng 1 ngày trước ngày làm việc (Affected employees will need to box up all their office items by 3 P.M. **on the day before their room is scheduled for work**), vậy C là phương án đúng.

180. What is suggested about Mr. Hagburg?

- (A) **He shares an office with a colleague.**
(B) He will work off-site on March 5.
(C) He is the head of a department.
(D) He requested the use of a conference room.

Trong thời khóa biểu ta thấy ông Hagburg sử dụng phòng 404 cùng Ana Keller vào thứ 6, vậy A là phương án đúng.

- (B) Lên lịch một cuộc họp với người quản lý
(C) **Cho biết đồ dùng văn phòng nào là của họ**
(D) Cập nhật thông tin liên lạc của họ trực tuyến

178. Điều gì được nêu về Phòng 409?

- (A) Nó sẽ có sẵn cho họp qua video.
(B) **Nhân viên có thể tập trung ở đó để làm việc.**
(C) Một cuộc họp được lên lịch sẽ được tổ chức ở đó.
(D) Đồ đạc của nó sẽ được gỡ bỏ tạm thời.

179. Khi nào cô Asbury nên sẵn sàng rời khỏi văn phòng của mình?

- (A) Vào ngày 12 tháng 2
(B) Vào ngày 27 tháng 2
(C) **Vào ngày 3 tháng 3**
(D) Vào ngày 4 tháng 3

180. Điều gì được đề xuất về ông Hagburg?

- (A) **Anh ấy chia sẻ một văn phòng với một đồng nghiệp.**
(B) Anh ấy sẽ làm việc ngoài công trường vào ngày 5 tháng 3.
(C) Ông là người đứng đầu một bộ phận.
(D) Ông yêu cầu sử dụng phòng hội thảo.

Livrou Farm	Trang trại Livrou
<p>Fresh Organic Produce-From Our Farm to Your Home</p> <p>Livrou Farm in Bromont, Quebec, invites you to participate in its community-supported agriculture program. Members enjoy fresh farm produce during our growing season from June to November. Sign up for a farm share and receive these benefits:</p> <ul style="list-style-type: none"> • More than 30 varieties of in-season vegetables, fruits, and herbs, harvested by our farm staff and prepared for you to pick up at our barn • A selection of pick-your-own strawberries, apples, and other fruits 	<p>Sản phẩm hữu cơ tươi - Từ trang trại của chúng tôi đến nhà của bạn</p> <p>Nông trại Livrou ở Bromont, Quebec, mời bạn tham gia chương trình nông nghiệp hỗ trợ cộng đồng. Các thành viên sẽ thưởng thức nông sản tươi trong mùa trồng trọt của chúng tôi từ tháng 6 đến tháng 11. Đăng ký góp vốn vào trang trại và nhận những lợi ích sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hơn 30 loại rau, trái cây và thảo mộc trong mùa, được thu hoạch bởi nhân viên trang trại của chúng tôi và chuẩn bị cho bạn đến lấy tại trại của chúng tôi • Chọn lựa về việc hái những trái dâu tây, táo và các loại trái cây khác



- Access to our member Web site with recipes, farm updates, and a farm newsletter
- Discounts on events at the farm, such as the annual summer music festival. Events typically cost \$15, but members pay \$10.

Members pick up their shares once a week at the farm. A full-size share is \$700 per season, and a half-size share is \$350. Half-size shareholders receive half the amount of produce each week. All other benefits remain the same.

Our farm produce is grown without the use of pesticides or herbicides, and we use only naturally occurring fertilizers. For more information or to register for a membership, please see our Web site at www.livroufarm.ca

Membership	Home	Locations	Reviews
Name: <u>Julien Bernard</u>			
Address: <u>78 Dorion Street, Bromont, QC J2L 2K7</u>			
First choice pick-up day: Thursday <input checked="" type="checkbox"/> Friday <input type="checkbox"/>			
Saturday <input type="checkbox"/> Sunday <input type="checkbox"/>			
Second choice pick-up day: Thursday <input type="checkbox"/>			
Friday <input checked="" type="checkbox"/> Saturday <input type="checkbox"/> Sunday <input type="checkbox"/>			
Size of share: Full <input type="checkbox"/> Half <input checked="" type="checkbox"/>			
NOTE: Pick-up is between 3 P.M. and 6 P.M. Please provide the names of other individuals in your household. These are the only other individuals who will be permitted to pick up your weekly share.			
Names: <u>Margaux Bernard, Laurent Bernard</u>			
Click HERE to enter payment information on the next page.			

- Truy cập vào trang web thành viên của chúng tôi với các công thức nấu ăn, các cập nhật trang trại và bản tin trang trại

- Giảm giá cho các sự kiện tại trang trại, chẳng hạn như lễ hội âm nhạc mùa hè hàng năm. Các sự kiện thường có giá \$ 15, nhưng các thành viên trả \$ 10. Các thành viên nhận cổ phiếu của họ mỗi tuần một lần tại trang trại. Một cổ phiếu toàn phần là 700 đô la mỗi mùa và bán phần là 350 đô la. Cổ đông bán phần nhận được một nửa số lượng sản phẩm mỗi tuần. Tất cả các lợi ích khác vẫn giữ nguyên.

Nông sản của chúng tôi được trồng mà không sử dụng thuốc trừ sâu hoặc thuốc diệt cỏ, và chúng tôi chỉ sử dụng phân bón tự nhiên. Để biết thêm thông tin hoặc đăng ký thành viên, vui lòng xem trang web của chúng tôi tại www.livroufarm.ca

Thành viên	Trang chủ	Địa điểm	Nhận xét
Tên: <u>Julien Bernard</u>			
Địa chỉ: <u>78 Dorion Street, Bromont, QC J2L 2K7</u>			
Lựa chọn ngày nhận đầu tiên: Thứ Năm <input checked="" type="checkbox"/>			
Thứ Sáu <input type="checkbox"/> Thứ Bảy <input type="checkbox"/> Chủ Nhật <input type="checkbox"/>			
Lựa chọn ngày nhận thứ hai: Thứ Năm <input type="checkbox"/>			
Thứ Sáu <input checked="" type="checkbox"/> Thứ Bảy <input type="checkbox"/> Chủ Nhật <input type="checkbox"/>			
Loại cổ phiếu : Toàn phần <input type="checkbox"/> Bán phần <input checked="" type="checkbox"/>			
LƯU Ý: Việc nhận nằm trong khoảng 3 P.M. và 6 P.M.			
Vui lòng cung cấp tên của các cá nhân khác trong gia đình bạn. Đây là những cá nhân duy nhất khác sẽ được phép nhận cổ phiếu hàng tuần của bạn.			
Tên: <u>Margaux Bernard, Laurent Bernard</u>			
Nhấn vào ĐÂY để nhập thông tin thanh toán trên trang tiếp theo.			

181. What is the purpose of the flyer?

- (A) To invite people to a farm festival
(B) To promote community service opportunities
(C) To share recipes for healthy eating
(D) To advertise a farm program

Ta thấy thông tin tờ rơi mời người đọc tham gia vào chương trình của nó (invites you to participate in its **community-supported agriculture program**), vậy D là phương án đúng

182. What is suggested about the workers at Livrou Farm?

181. Mục đích của tờ rơi là gì?

- (A) Để mời mọi người đến một lễ hội nông trại
(B) Để thúc đẩy các cơ hội dịch vụ cộng đồng
(C) Để chia sẻ các công thức nấu ăn lành mạnh
(D) Để quảng cáo một chương trình trang trại

Điều gì được gợi ý về các công nhân tại Livrou Farm?



- (A) They collect farm produce from June to November.
(B) They update the farm's Web site once a week.
(C) They create meals using the farm's products.
(D) They sell farm products at several local markets.

Ta thấy các sản phẩm của nông trại có thể được thưởng thức từ tháng 6 tới tháng 11 (Members enjoy fresh farm produce during **our growing season from June to November.**), vậy đây là thời gian những công nhân tại nông trại này thu hoạch nông sản, vì vậy A là phương án đúng.

183. What is NOT indicated about Livrou Farm?

- (A) It publishes a newsletter.
(B) It uses natural fertilizers.
(C) It hosts musical performances.
(D) **It offers cooking classes.**

Các phương án sau được nhắc đến: A (Access to our member Web site with recipes, farm updates, and a **farm newsletter**), B (we use **only naturally occurring fertilizers**) và C (Discounts on events at the farm, such as the **annual summer music festival**). Chỉ có D là không được nhắc đến nên là phương án đúng.

184. What is true about Mr. Bernard's membership?

- (A) He must pick up his produce on Sundays.
(B) He is the only person allowed to pick up his farm share.
(C) **He will be allowed to pick some of his own fruit.**
(D) He will be able to plant and grow his own vegetables.

Ông ấy vẫn có quyền được hái 1 nửa phần trái cây của mình vì là cổ đông bán phần (**Half-size shareholders receive half the amount of produce** each week. All other benefits remain the same.), vậy C là phương án đúng

185. How much should Mr. Bernard pay for the membership?

- (A) \$10
(B) \$15
(C) **\$350**
(D) \$700

Vì ông Bernard đã đánh dấu mình là cổ đông bán phần nên ông sẽ trả \$350 theo như tờ rơi (A full-size share is \$700 per season, **and a half-size share is \$350.**)

- (A) **Họ thu hoạch nông sản từ tháng 6 đến tháng 11.**
(B) Họ cập nhật trang web của trang trại mỗi tuần một lần.
(C) Họ tạo ra các bữa ăn bằng cách sử dụng các sản phẩm của trang trại.
(D) Họ bán nông sản tại một số thị trường địa phương.

183. Điều gì KHÔNG được chỉ ra về Nông trại Livrou?

- (A) Nó xuất bản một bản tin.
(B) Nó sử dụng phân bón tự nhiên.
(C) Nó tổ chức biểu diễn âm nhạc.
(D) **Nó cung cấp các lớp học nấu ăn.**

184. Điều gì là đúng về thẻ thành viên của ông Bernard?

- (A) Anh ấy phải nhận sản phẩm của mình vào Chủ nhật.
(B) Anh ấy là người duy nhất được phép nhận phần nông trại của mình.
(C) **Anh ta sẽ được phép hái một số trái cây của mình.**
(D) Anh ta sẽ có thể tự trồng và trồng rau.

Ông Bernard nên trả bao nhiêu cho quyền thành viên của mình?

- (A) \$10
(B) \$15
(C) **\$350**
(D) \$700

<http://www.communitylinkforum.org/burlingtonvermont>

Professional Seeking Apartment in Burlington

Jorge Janssen <jjanssen@blitzer.com>

Topic: Real Estate and Housing

Date: June 23

<http://www.communitylinkforum.org/burlingtonvermont>

Dịch vụ tìm chung cư chuyên nghiệp ở Burlington

Jorge Janssen <jjanssen@blitzer.com>

Chủ đề: Bất động sản và nhà ở

Ngày: 23 tháng Sáu



I accepted a new position in Burlington and need to relocate near the downtown area before my start date on August 15. I'm seeking a simple, clean, one-bedroom rental or larger, depending on price. A relaxing location with outdoor seating for entertaining friends or family would be a plus. I do have a car, but I'd appreciate having good access to public transportation. I have a budget of around \$1,400 monthly to cover all housing costs, including utilities.

Tôi đã nhận một công việc mới ở Burlington và cần chuyển nhà đến gần khu vực trung tâm thành phố trước ngày bắt đầu vào ngày 15 tháng Tám. Tôi đang tìm kiếm một phòng cho thuê đơn giản, sạch sẽ với một phòng ngủ hoặc lớn hơn, tùy thuộc vào giá cả. Một vị trí thư giãn với chỗ ngồi ngoài trời để giải trí cùng bạn bè hoặc gia đình sẽ là một lợi thế. Tôi có một chiếc xe hơi, nhưng tôi đánh giá cao việc đi lại tốt để dùng giao thông công cộng. Tôi có ngân sách khoảng 1400 đô la hàng tháng để trang trải mọi chi phí nhà ở, bao gồm cả các phí tiện ích.

<http://www.communitylinkforum.org/burlingtonvermont>

Apartment for Rent in Burlington

Eloise McMahon <mcmahonrental@hmail.com>

Topic: Real Estate and Housing

Date: June 23

Be the first to rent this two-bedroom apartment upon completion of extensive renovations. This property is anticipated to be move-in ready on August 1. It will feature a clean modern look, new floors throughout, and all-new appliances. The apartment is situated downtown, and students are welcome as it's less than ten minutes by bus to Denton University. On-street parking is available with a decal from the City Transportation Office. Cats or small dogs are potentially permitted, but with conditions, so please inquire. \$1,400 rent also pays for water, sewer, garbage pickups, and general upkeep of the property. Electricity and natural gas will be the responsibility of the tenant. A one-time security deposit equal to one month's rent should be paid upon signing the rental agreement.

<http://www.communitylinkforum.org/burlingtonvermont>

Căn hộ cho thuê tại Burlington

Eloise McMahon <mcmahonrental@hmail.com>

Chủ đề: Bất động sản và nhà ở

Ngày: 23 tháng Sáu

Hãy là người đầu tiên thuê căn hộ hai phòng ngủ này ngay khi hoàn thành việc sửa chữa nói rộng. Căn hộ này được dự đoán sẽ sẵn sàng để chuyển vào từ ngày 1 tháng Tám. Nơi đây sẽ có vẻ ngoài hiện đại sạch sẽ, các tầng được làm mới từ trong ra ngoài và các thiết bị hoàn toàn mới. Căn hộ nằm ở trung tâm thành phố, và sinh viên rất hoan nghênh vì chưa đến mười phút đi xe buýt đến Đại học Denton. Bãi đậu xe trên đường dán giấy báo sẵn từ Sở Giao thông Thành phố. Mèo hoặc chó nhỏ có thể được phép, nhưng có điều kiện, vì vậy hãy hỏi để biết thêm thông tin. 1.400 đô la tiền thuê sẽ đủ trả tiền nước, cống rãnh, thu gom rác và bảo trì tổng quan căn hộ. Điện và khí đốt tự nhiên sẽ thuộc trách nhiệm của người thuê. Một khoản tiền cọc bảo đảm trả trong một lần bằng với tiền thuê một tháng nên được thanh toán khi ký hợp đồng cho thuê.

To: Eloise McMahon <mcmahonrental@hmail.com>

From: Jorge Janssen <jjanssen@blitzer.com>

Re: Apartment

Date: June 24

Dear Ms. McMahon,

I noticed your rental listing on communitylinkforum.org. From the description it sounds as if it may be just be what

Tới: Eloise McMahon <mcmahonrental@hmail.com>

Từ: Jorge Janssen <jjanssen@blitzer.com>

Tiêu đề: Căn hộ

Ngày: 24 tháng Sáu

Gửi cô McMahon,

Tôi đã nhận danh sách cho thuê của cô trên communitylinkforum.org. Từ mô tả thì có vẻ như đó có



I've been all looking for. I'm eager to look over the apartment, and I just happen to be in Burlington all this week. My last day in town will be Sunday June 30. If the place suits me, I'd want to move in the same day that it's expected to be available. The timing would be perfect! I hope to hear from you soon.

Thank you.

Jorge Janssen
(802) 555-0122

thể là những gì tôi đang tìm kiếm. Tôi đang háo hức để tham quan căn hộ, và tôi tình cờ ở Burlington cả tuần nay. Ngày cuối cùng của tôi trong thị trấn sẽ là Chủ nhật ngày 30 tháng Sáu. Nếu nơi đó phù hợp với tôi, tôi muốn di chuyển vào cùng ngày dự kiến sẵn sàng để dọn vào. Thời gian đó sẽ hoàn hảo! Tôi mong sẽ nhận được hồi âm của bạn sớm.

Cảm ơn cô.

Jorge Janssen
(802) 555-0122

186. Why is Mr. Janssen relocating?

- (A) To begin a new job
- (B) To return to his hometown
- (C) To study part-time
- (D) To start his retirement

Ông Janssen giới thiệu là chuyển đến để cho công việc mới (I **accepted a new position** in Burlington and need to relocate near the downtown area before my start date on August 15) với “new position” và “new job” là đồng nghĩa, nên câu A là đáp án đúng.

187. What aspect of the property does NOT match Mr. Janssen's preferences?

- (A) The location
- (B) The monthly costs
- (C) The parking availability
- (D) The size

Câu B là đáp án đúng, vì ông Janssen đã trình bày là ngân sách thuê nhà 1400 đô la bao gồm cả phí tiện ích (I have a budget of around \$1,400 monthly to **cover all housing costs, including utilities**) tuy nhiên thư báo lại đề cập đến việc 1400 đô không bao gồm tiền điện và khí đốt tự nhiên mà người thuê phải tự trả (Electricity and natural gas will be the **responsibility of the tenant**).

188. For what situation does Ms. McMahon mention that she will need additional information?

- (A) When changes to the decor are preferred
- (B) When a tenant is ready to pay a security deposit
- (C) When repairs to the apartment are needed
- (D) When someone wants to keep an indoor pet

Cô McMahon đề cập đến việc được nuôi chó mèo nhỏ nhưng cần *hỏi để biết thêm thông tin* (Cats or small dogs are potentially permitted, but with conditions, so please inquire) với “cats or small dogs” được quy về “pets” nên câu D là đáp án đúng.

189. Why does Mr. Janssen send the e-mail?

- (A) To agree to the terms of a rental contract
- (B) To change the details of a residential advertisement

186. Tại sao ông Janssen chuyển đến?

- (A) Để bắt đầu một công việc mới
- (B) Để trở về quê nhà
- (C) Để học bán thời gian
- (D) Để bắt đầu nghỉ hưu

187. Đặc điểm nào của căn hộ KHÔNG phù hợp với yêu cầu của ông Janssen?

- (A) Địa điểm
- (B) Chi phí hàng tháng
- (C) Bãi đậu xe
- (D) Kích thước

188. Cô McMahon đề cập rằng cô sẽ cần thêm thông tin trong trường hợp nào?

- (A) Khi thay đổi trang trí được yêu thích
- (B) Khi người thuê nhà sẵn sàng trả tiền đặt cọc
- (C) Khi cần sửa chữa căn hộ
- (D) Khi muốn nuôi thú cưng trong nhà

189. Tại sao ông Janssen lại gửi email?

- (A) Đồng ý với các điều khoản của hợp đồng cho thuê
- (B) Để thay đổi các chi tiết của một quảng cáo nơi ở



(C) To ask about a feature of an apartment

(D) To make arrangements to view a property

Ông Janssen gửi email cuối để sắp xếp thời gian xem căn hộ (I'm eager to look over the apartment, and I just happen to be in Burlington all this week. My last day in town will be Sunday June 30) nên câu D là đáp án đúng. Câu A không được chọn do không đề cập đến việc đồng ý điều khoảng trong thư.

190. When does Mr. Janssen wish to start living in the residence?

(A) On June 24

(B) On June 30

(C) On August 1

(D) On August 15

Căn hộ được cho là sẽ hoàn tất sửa chữa vào ngày 1 tháng Tám (This property is *anticipated to be move-in ready on August 1*) và ông Janssen viết muốn dọn vào cùng ngày trong thư cuối cùng (If the place suits me, *I'd want to move in the same day that it's expected to be available*) nên câu C là đáp án đúng.

(C) Đề hỏi về một tính năng của căn hộ

(D) Để sắp xếp để xem căn hộ

190. Khi nào ông Janssen muốn bắt đầu sống ở căn hộ?

(A) Vào ngày 24 tháng Sáu

(B) Vào ngày 30 tháng Sáu

(C) vào ngày 1 tháng Tám

(D) vào ngày 15 tháng Tám

Kitchenware Utopia Food Processor-Model C3

You will never need to buy another food processor! Our best-selling model, the C3, is made of high-quality plastic and easy-to-clean stainless steel.

FEATURES

The unique blade design and powerful motor make this a professional-grade appliance, ideal for busy restaurants of any size.

WARRANTY

We include a seven-year warranty on all parts and labor - a reassurance to you that our food processor will last a long time.

Special purchase price: \$319.00/KU Club

Members: \$299.00

Đồ dùng nhà bếp Utopia Bộ dụng cụ xử lý thực phẩm-Mẫu C3

Bạn sẽ không bao giờ cần phải mua một bộ xử lý thực phẩm nào khác! Mẫu bán chạy nhất của chúng tôi, C3, được làm bằng nhựa chất lượng cao và thép không gỉ dễ lau chùi.

CÁC TÍNH NĂNG

Thiết kế lưỡi dao độc đáo và động cơ mạnh mẽ khiến cho thiết bị này trở thành một thiết bị cấp độ chuyên nghiệp, lý tưởng cho các nhà hàng đông khách ở mọi quy mô.

BẢO HÀNH

Chúng tôi bao gồm mức bảo hành bảy năm cho tất cả các bộ phận và chức năng – đó là sự đảm bảo với bạn rằng bộ xử lý thực phẩm của chúng tôi sẽ dùng trong thời gian dài.

Giá mua đặc biệt: 319 đô la / Cho thành viên Câu lạc bộ KU: 299 đô la

www.kitchenwareutopia.com/C3/reviews/454

Rating: *****

Review: This product is amazing! I work as a caterer, and I've used a lot of different food processors. Kitchenware Utopia's C3 is by far the best I've found. Its motor is very powerful, and the many different blades and settings make it extremely versatile. The settings are also straightforward. It's expensive but well worth the investment, and since I'm a loyalty club member, the price was reasonable. My only

www.kitchenwareutopia.com/C3/reviews/454

Xếp hạng: *****

Đánh giá: Sản phẩm này thật tuyệt vời! Tôi là một người cung cấp thực phẩm và tôi đã sử dụng rất nhiều bộ chế biến thực phẩm khác nhau. Đồ dùng nhà bếp Utopia's C3 là sản phẩm tốt nhất tôi tìm thấy cho đến nay. Động cơ của nó rất mạnh mẽ, và nhiều lưỡi dao và chế độ khác nhau làm cho thiết bị cực kỳ linh hoạt. Các cài đặt cũng đơn giản. Thiết bị đắt tiền nhưng cũng đáng để đầu tư, và vì tôi là thành viên câu lạc bộ khách hàng thân thiết, nên giá cả cũng hợp lý.



complaint would be that it's very heavy and therefore not as portable as I'd hoped. Overall, though, I'm exceptionally satisfied with this product. Posted by Eli Perles on March 27	Than phiền duy nhất của tôi là nó rất nặng và do đó không thể mang theo như tôi đã mong. Tuy nhiên, nhìn chung, tôi đặc biệt hài lòng với sản phẩm này. Đăng bởi Eli Perles vào ngày 27 tháng Ba.
We are very glad to hear you are happy with our C3 food processor. Customer satisfaction - is our number one priority. We would like to respond to your complaint and provide a suggestion <u>regarding</u> your concerns. Our C2 processor might be better suited to your professional needs. The C2 offers the same motor size as the C3, but it is much smaller than the C3 in general. However, this model does cost slightly more than the C3. You can view the product description by visiting www.kitchenwareutopia.com/C2 . Posted by Kitchenware Utopia Customer Service on March 28	Chúng tôi rất vui khi biết bạn hài lòng với bộ xử lý thực phẩm C3 của chúng tôi. Sự hài lòng của khách hàng là ưu tiên số một của chúng tôi. Chúng tôi muốn trả lời khiếu nại và đưa ra đề nghị liên quan đến mối bận tâm của bạn. Bộ xử lý C2 của chúng tôi có thể phù hợp hơn với nhu cầu chuyên nghiệp của bạn. Mẫu C2 có kích thước động cơ tương tự như C3, nhưng tổng quan thì nó nhỏ hơn nhiều so với C3. Tuy nhiên, mẫu này có giá cao hơn một chút so với C3. Bạn có thể xem mô tả sản phẩm bằng cách truy cập www.kovewareutopia.com/C2 . Đăng bởi Dịch vụ khách hàng Utopia vào ngày 28 tháng 3

191. What is NOT mentioned in the product description as a feature of the C3 food processor?

- (A) It is very durable.
- (B) It is suitable for commercial kitchens.
- (C) It is larger than competitors' food processors.**
- (D) It is a popular model.

Ta thấy, mẫu C3 làm từ nhựa cao cấp và thép không gỉ (the C3, is made of high-quality plastic and easy-to-clean stainless steel) nên có thể hiểu là bền (câu A). Ngoài ra, sản phẩm phù hợp với nhà hàng đông khách (ideal for busy restaurants of any size) nên câu B có nói trong bài. Cuối cùng, đây là mẫu bán chạy nhất (Our best-selling model) nên cũng là mẫu phổ biến nhất (best-sellin tương tự popular) nên câu D cũng là tính năng của sản phẩm. Câu C là không được đề cập đến nên được chọn.

192. What is indicated in the customer review?

- (A) The C3 comes with detailed instructions.
- (B) Mr. Perles is pleased with his purchase.**
- (C) Kitchenware Utopia's customer service is very good.
- (D) Users find the C3 difficult to clean.

Câu B là đáp án đúng do ông Perles đề cập đến việc hài lòng về việc mua sắm của mình (Overall, though, I'm *exceptionally satisfied with this product*).

193. What is suggested about Mr. Perles?

- (A) He paid \$299 for the food processor.**

191. Tính năng nào KHÔNG PHẢI là tính năng của bộ xử lý thực phẩm C3?

- (A) Rất bền.
- (B) Phù hợp cho nhà bếp kinh doanh.
- (C) Lớn hơn các bộ chế biến thực phẩm của đối thủ cạnh tranh.**
- (D) Là mẫu phổ biến.

192. Điều gì được nói đến trong đánh giá của khách hàng?

- (A) C3 đi kèm với hướng dẫn chi tiết.
- (B) Ông Perles hài lòng với sản phẩm của mình.**
- (C) Dịch vụ khách hàng của Dụng cụ nhà bếp Utopia rất tốt.
- (D) Người dùng thấy C3 khó vệ sinh.

193. Điều gì đúng về ông Perles?

- (A) ông ấy đã trả 299 đô cho bộ xử lý thực phẩm.**
- (B) ông ấy đã mua một số bộ phận tùy chọn cho bộ xử lý.



(B) He purchased some optional parts for the processor.

(C) He catered a large-scale event on March 27.

(D) He has never used a food processor before.

Ông Perles là thành viên câu lạc bộ khách hàng thân thiết (I'm a loyalty club member) nên được hưởng giá 299 đô la (KU Club Members: \$299.00) nên câu A là đáp án đúng.

194. Why would the C2 processor likely be recommended as more suitable for Mr. Perles?

(A) It is inexpensive.

(B) It is dishwasher safe.

(C) It is easy to assemble.

(D) It is lightweight.

Câu D là đáp án đúng vì ông Perles phàn nàn về việc máy C3 rất nặng (My only complaint would be that it's very heavy and therefore not as portable as I'd hoped) và bộ phận chăm sóc khách hàng đã đề nghị C2 vì mẫu này phù hợp hơn (Our C2 processor might be better suited to your professional needs) với nhu cầu của ông Perles (nhẹ hơn) nên câu D là đáp án đúng.

195. In the online response, the word "regarding" in paragraph 1, line 3, is closest in meaning to

(A) looking after

(B) about

(C) in comparison

(D) admiring

Từ "regarding" trong cụm "a suggestion regarding your concerns" có nghĩa là "liên quan" nên câu B – about là đáp án đúng nhất.

(C) ông ấy đã phục vụ thức ăn cho một sự kiện quy mô lớn vào 27 tháng Ba.

(D) Ông ấy chưa bao giờ sử dụng một bộ xử lý thực phẩm nào trước đây.

194. Tại sao bộ xử lý C2 được đề xuất là phù hợp hơn với ông Perles hơn?

(A) Không đắt.

(B) Là an toàn cho máy rửa chén.

(C) Dễ dàng để lắp ráp.

(D) Rất nhẹ.

195. Trong phần phản hồi trực tuyến, từ "regarding - liên quan" trong đoạn 1, dòng 3, có nghĩa gần nhất với:

(A) chăm sóc

(B) về

(C) so sánh

(D) ngưỡng mộ

Ment Hall to Host Piasek Cup Final

Ment Hall, which is currently undergoing extensive renovation, will be ready to host the final game of the Piasek Cup Volleyball Championship to be held in Warsaw this June. Although the project has been in the works for some time, it was the opportunity to host this championship that provided the economic incentive to push the project to its completion. City officials have confirmed that the construction is progressing according to schedule and will be complete well before the finals of the championship. Since Ment Hall is the only major arena in the country that has never hosted a Piasek Cup event, the hall's owners were proud to have been chosen to host this year's finale. The final game will inaugurate the refurbished hall. The event is expected to draw thousands of volleyball fans, and the organizers are

Sân Ment tổ chức trận chung kết cúp Piasek

Sân vận động Ment, hiện đang được cải tạo để mở rộng, sẽ sẵn sàng tổ chức trận chung kết của Giải vô địch bóng chuyền Cúp Piasek được tổ chức tại Warsaw vào tháng Sáu này. Mặc dù dự án đã vận hành được một thời gian, nhưng chính cơ hội để tổ chức giải vô địch này mang lại nguồn lực kinh tế để đẩy dự án hoàn thành. Các quan chức thành phố đã xác nhận rằng việc xây dựng đang diễn ra đúng tiến độ và sẽ hoàn thành tốt trước trận chung kết giải vô địch. Vì Sân Ment là đấu trường lớn duy nhất trong cả nước tổ chức sự kiện Cúp Piasek, chủ sở hữu sân vận động đã tự hào được chọn để tổ chức trận chung kết năm nay. Trận chung kết cũng sẽ khánh thành sân đấu vừa mới cách tân. Sự kiện này dự kiến sẽ thu hút hàng ngàn người hâm mộ bóng chuyền, và ban tổ chức tin rằng Sân Ment sẽ xứng đáng với sự kiện này.



confident that Ment Hall will live up to the occasion. Seating 19,000 spectators, Ment Hall will be double its previous size.

Với chỗ ngồi cho 19000 khán giả, Ment Hall sẽ tăng gấp đôi kích thước trước đó.

Piasek Cup Volleyball Championship			
Quarterfinal Games			
Venezuela- Australia 10 June, 3:00 P.M., Loave Arena, Bydgoszcz	Poland- France 10 June, 6:00 P.M., Timpani Hall, Katowice	Brazil – USA 11 June, 3:00 P.M., Polana Center, Cracow	Cuba – Egypt 11 June, 6 P.M., Mistrz Arena, Wroclaw
Semifinal Games			
Winners of 10 June games 13 June, 3:00 P.M. Timpani Hall, Katowice		Winners of 11 June games 13 June, 3:00 P.M., Polana Center, Cracow	
Final Game			
16 June Ment Hall, 6:00P.M, Warsaw.			
NOTE: Tickets for the final game are selling fast, so don't wait until after the semifinal games to order. Reserved seating only, no general admission. No refunds.			

Giải vô địch bóng chuyền Cúp Piasek			
Trận Tứ Kết			
Venezuela và Úc Ngày 10 tháng Sáu 3 giờ chiều Sân đấu Loave, Bydgoszcz	Ba Lan – Pháp Ngày 10 tháng Sáu 6 giờ chiều Sân Timpani, Katowice	Braxin – Mỹ 11 tháng Sáu 3 giờ chiều trung tâm Polana, Cracow	Cuba – Ai Cập 11 tháng Sáu 6 giờ chiều, Sân đấu Mistrz, Wroclaw
Trận Bán Kết			
Hai đội thắng ngày 10 tháng Sáu 13 tháng Sáu, 3 giờ chiều, sân Timpani, Katowice		Hai đội thắng ngày 11 tháng Sáu 13 tháng Sáu, 3 giờ chiều, Trung tâm Polan, Cracow	
Trận Chung Kết			
16 tháng Sáu Sân Ment, 6 giờ chiều, Warsaw.			
Lưu ý: Vé cho trận chung kết đang bán rất nhanh, vì vậy, đừng đợi cho đến sau trận bán kết mới đặt vé. Chỉ có đặt chỗ ngồi trước, không có vé tùy chọn chỗ ngồi. Không hoàn lại tiền.			

News Update
HALLAX RADIO 108.3 FM
Sports-Volleyball, 10 June
At 3:00 P.M., Venezuela will take on Australia for qualification to the semifinals. Our guest announcer will be Vin Cote, retired coach of last year's winning team from Canada.
At 6:00 P.M., host team Poland will face off against France. The game will be covered live by Jeremy Bosko.

Cập nhật tin tức
HALLAX RADIO 108.3 FM
Thể thao-Bóng chuyền, ngày 10 tháng Sáu
Vào lúc 3 giờ chiều, Venezuela đấu với Úc tranh vé để vào bán kết. Phát thanh viên khách mời của chúng tôi là Vin Cote, huấn luyện viên nghỉ hưu của đội vô địch năm ngoái từ Canada.
Vào lúc 6 giờ chiều, đội chủ nhà Ba Lan sẽ đối đầu với Pháp. Trận đấu sẽ được Jeremy Bosko bình luận trực tiếp.

196. In the article, the word "draw" in paragraph 2, line 7, is closest in meaning to

- (A) promote
- (B) attract
- (C) sketch
- (D) remove

Trong cụm “draw thousands of volleyball fans” có nghĩa là thu hút đồng nghĩa với “draw” nên câu B là đáp án đúng.

197. What will be changed about Ment Hall?

- (A) Its ownership
- (B) Its ticket prices

196. Trong bài viết, từ "draw" trong đoạn văn 2, dòng 7, có nghĩa gần nhất với

- (A) quảng bá
- (B) thu hút
- (C) phác họa
- (D) loại bỏ

197. Sân Ment sẽ được thay đổi về điều gì?

- (A) Quyền sở hữu
- (B) Giá vé



(C) **Its seating capacity**

(D) Its location

Câu C là đáp án đúng vì thông báo đưa tin về việc tăng lượng chỗ ngồi với sức chứa lên đến 19000 (*Seating 19,000 spectators*, Ment Hall will be **double its previous size**).

198. When will the first game be held at a new host venue?

(A) On June 10

(B) On June 13

(C) On June 14

(D) **On June 16**

Địa điểm mới là sân Ment, và trong lịch thì đó là nơi tổ chức trận chung kết vào 16 tháng sáu (Final Game 16 June Ment Hall, 6:00P.M, Warsaw) nên câu D là đáp án đúng.

199. In the schedule, what are people advised to do?

(A) Request a refund for tickets that they do not plan to use

(B) Order tickets immediately after the semifinal games

(C) **Buy tickets for the final game as soon as possible**

(D) Arrive at the final game early

Theo lịch đấu thì mọi người đừng chờ đến hết bán kết mới mua vé cho chung kết vì vé bán hết nhanh (Tickets for the final game are selling fast, so don't wait until after the semifinal games to order) nên câu C là đáp án đúng nhất.

200. Where will Mr. Cote be reporting from?

(A) **Bydgoszcz**

(B) Katowice

(C) Cracow

(D) Wroclaw

Ông Cote tường thuật cho trận Venezuela và Úc (*Venezuela will take on Australia* for qualification to the semifinals. **Our guest announcer will be Vin Cote...**) ở sân đấu Loave tại Bydgoszcz (Venezuela-Australia 10 June, 3:00 P.M, Loave Arena, **Bydgoszcz**) nên câu A là đáp án đúng.

(C) **Sức chứa chỗ ngồi**

(D) Vị trí địa điểm

98. Khi nào thì trận đầu tiên được tổ chức tại địa điểm tổ chức mới?

(A) Vào ngày 10 tháng Sáu

(B) Vào ngày 13 tháng Sáu

(C) vào ngày 14 tháng Sáu

(D) **Vào ngày 16 tháng Sáu**

99. Theo như trong lịch đấu thì mọi người nên làm gì?

(A) Yêu cầu hoàn lại tiền cho vé mà họ không định dùng

(B) Đặt vé ngay sau trận đấu bán kết

(C) **Mua vé cho trận chung kết càng sớm càng tốt**

(D) Đến trận chung kết sớm

200. Ông Cote sẽ tường thuật từ đâu?

(A) **Bydgoszcz**

(B) Katowice

(C) Cracow

(D) Warsaw